

VIỆN ALBERT EINSTEIN

CHÍNH TRỊ  
CỦA HÀNH ĐỘNG  
BẤT BẠO ĐỘNG

Gene Sharp

Nguyễn Văn Thái, PhD., chuyển ngữ

VIỆN ALBERT EINSTEIN

## **A. Các nguồn Sức Mạnh**

Nếu sức mạnh chính trị không tự tại nơi người nắm quyền thì tất nhiên phải có những nguồn gốc từ bên ngoài. Thực ra sức mạnh chính trị cho thấy đã xuất phát từ sự tương tác giữa tất cả hay một vài nguồn lực sau đây:

**1.Uy quyền.-** Mức độ và cường độ uy quyền của nhà cai trị đối với người dân là một nhân tố cực trọng ảnh hưởng đến quyền lực của nhà cai trị.

Uy quyền có thể được định nghĩa như là "...quyền chỉ huy và điều hành, quyền bắt người khác phải nghe theo và tuân phục"<sup>10</sup>, quyền này được người dân tự nguyện chấp nhận và do đó hiện hữu mà không cần phải áp đặt hình phạt. Người có uy quyền thực sự có thể không hẳn đã hơn người; chỉ cần người ta nhận thấy và chấp nhận hơn người là đủ. Dù không hoàn toàn đồng nghĩa với quyền lực, uy quyền dầu sao rõ ràng vẫn là một nguồn sức mạnh chính yếu.

**2. Nhân lực.-** Quyền lực của nhà cai trị chịu ảnh hưởng bởi số người tuân phục ông ta, hợp tác với ông ta, hoặc cung ứng cho ông ta những hỗ trợ đặc biệt; cũng như chịu ảnh hưởng bởi tỉ lệ những người như thế đối với dân số, và bởi mức độ và hình thái của những tổ chức của những người này.

**3. Kỹ năng và kiến thức.-** Quyền lực của nhà cai trị cũng còn chịu ảnh hưởng bởi những kỹ năng, kiến thức và khả năng của những người như thế, và bởi sự tương quan giữa những kỹ năng, kiến thức và khả năng của họ đối với các nhu cầu của ông.



**4. Các nhân tố không nắm bắt được.-** Những nhân tố tâm lí và ý thức hệ, như những tập quán và những thái độ đối với sự tuân phục và khuất phục, và sự hiện hữu hay thiếu vắng của một niềm tin, một ý thức hệ, hay một ý niệm về một sứ mạng chung; tất cả đều ảnh hưởng đến quyền lực của nhà cai trị đối với người dân.

**5. Vật lực.-** Mức độ nhà cai trị kiểm soát tài sản, tài nguyên thiên nhiên, nguồn tài chính, hệ thống kinh tế, phương tiện truyền thông và vận chuyển sẽ giúp quyết định giới hạn quyền lực của ông ta.

**6. Các chế tài.-** Nguồn quyền lực cuối cùng của nhà cai trị là loại và mức độ những hình phạt sẵn có trong tay, cả hai đều để sử dụng chống lại người dân của mình và trong những tranh chấp với những nhà cai trị khác.

Như John Austin đã viết, các hình phạt là “sự bắt buộc phải tuân phục”<sup>11</sup> được những nhà cai trị sử dụng đối với người dân của mình nhằm bổ túc sự tự nguyện chấp nhận uy quyền của họ và để tăng mức độ tuân phục các mệnh lệnh. Những hình phạt này có thể là bạo động hay không bạo động; có thể được dùng như là một sự trừng trị hay như là một hành động ngăn chặn. Dân chúng đôi khi có thể áp dụng những chế tài đối với chính quyền hay là đối với nhau (các điểm này sẽ được thảo luận dưới đây). Chế tài cũng còn được các chính quyền áp dụng đối với những chính quyền khác và có thể có nhiều hình thức khác nhau, như là cắt đứt quan hệ ngoại giao, cấm vận kinh tế, xâm lăng quân sự và dội bom. Những hình phạt bạo động ở trong nước, như bỏ tù hay xử tử, thường là để trừng trị bất tuân, chứ không phải để đạt mục tiêu của mệnh lệnh nguyên thủy, ngoại trừ trường hợp các hình phạt như thế có thể ngăn chặn những người khác bất tuân trong tương lai. Các hình phạt bạo động khác thì đôi khi, và hầu hết những hình phạt bất bạo động thì thường thường, là để đạt mục tiêu nguyên thủy; đây thường là trường hợp chiến tranh quy ước, các cuộc đình công, bất hợp tác chính trị và tẩy chay. Chế tài thường là yếu tố chính yếu trong chính trị quốc nội và quốc tế. Luôn luôn là vấn đề mức độ hiện hữu của một vài hay tất cả những nguồn sức mạnh này; chỉ hiếm hoi lắm thì mới có, nếu thực sự có, một nhà cai trị hoàn toàn có hay hoàn toàn không có tất cả những nguồn sức mạnh này. Nhưng sự hiện hữu của những nguồn sức mạnh này chịu sự biến đổi liên tục, làm tăng trưởng hay suy giảm quyền lực của nhà cai trị. Bá Tước Montesquieu nhận định là “những người cai trị có một quyền lực mà, ở một mức độ nào đó, mỗi ngày đều cần sinh lực mới...”<sup>12</sup> Ở mức độ mà nhà cai trị có được những nguồn sức mạnh không bị giới hạn thì quyền

lực của ông ta sẽ vô giới hạn. Tuy nhiên điều ngược lại cũng đúng: ở mức độ mà sự hiện hữu của những nguồn sức mạnh này có giới hạn thì quyền lực chính trị của nhà cai trị cũng bị giới hạn.<sup>13</sup>



### C. Làm Sắc Bén Tụ Điểm Tấn công

Hành động bất bạo động là một kĩ thuật đấu tranh mà trong đó những người tham dự có thể xúc tiến mục tiêu của mình theo tỉ lệ mức độ suy yếu của ước muốn và khả năng duy trì chính sách bị phản đối của đối phương, và mức độ mà nhóm bất bạo động có thể huy động ý chí và lực lượng để đem lại cho mình sức mạnh nội tại nhằm tạo thay đổi. Trong liên hệ với điểm này, việc lựa chọn khéo léo điểm tấn công là một điều quan trọng. Trong những tranh luận trí thức người ta thường tập trung vào những khâu yếu nhất trong hoàn cảnh của đối phương. Trong chiến tranh, thay vì dùng lực lượng tương đương để tấn công vào toàn bộ mặt trận cùng một lúc, người ta chỉ tập trung các lực lượng vào nơi mà họ tin là những điểm yếu nhất của kẻ thù, tin tưởng là chọc thủng được những nơi này sẽ đưa đến sự suy yếu hay là sự sụp đổ của những khu vực khác của mặt trận. Vì vậy trong một cuộc đấu tranh bất bạo động, lãnh đạo bất bạo động sẽ chứng tỏ sự khôn ngoan bằng cách tập trung hành động vào những điểm yếu nhất của hoàn cảnh, chính sách, hay hệ thống của đối phương. Điều này sẽ đóng góp vào việc làm suy yếu tối đa vị thế tương đối của đối phương và tăng cường tối đa vị thế của nhóm bất bạo động.

Trong hành động bất bạo động cần phải chọn một điểm trực để đặt đòn bẩy nhằm đánh bật đi cái ác. Việc chọn điểm trực hay là chủ điểm tấn công rất quan trọng đối với kết quả của toàn bộ chiến dịch sau này. Theo quan điểm của Gandhi thì người ta không tung ra một chiến dịch bất bạo động với những mục tiêu tổng quát như là “hoà bình,” “độc lập,” “tự do,” hay là “huynh đệ.” “Vấn đề nêu lên phải dứt khoát và có thể hiểu được rõ ràng và nằm trong vòng khả năng nhượng bộ của đối phương.”<sup>55</sup> Miller viết là khi áp dụng kĩ thuật đấu tranh này trong những điều kiện chưa được toàn hảo thì thành công có thể tùy thuộc vào việc “phân chia chiến lược thành giai đoạn như thế nào để đem lại một số thắng lợi nhỏ hoặc bảo đảm một thắng lợi lớn duy nhất, thay vì cố tranh thủ cho kì được một chuỗi mục tiêu lớn cùng một lúc.”<sup>56</sup> Dù mục tiêu hay những mục tiêu được lựa chọn thật giới hạn hoặc đầy tham vọng đi nữa thì cũng phần nào hé lộ cho thấy được sự thâm định của nhóm bất bạo động về sức mạnh và khả năng hành động tương đối của mình.

Trong một nghiên cứu về chiến dịch bị thất bại ở Albany, Georgia, năm 1962, Giáo Sư Howard Zinn viết:

Người ta đã thất bại trong việc tạo ra và khéo léo xúc tiến một số chiến thuật riêng biệt cho những tình huống khác nhau. Vấn đề xoá bỏ phân biệt chủng tộc tại các cơ sở ở Albany liên hệ đến nhiều thành phần: một vài tình huống đòi hỏi ủy ban thành phố phải hành động; vài trường hợp lại đòi hỏi sự quyết định của những Toà Án Liên Bang; một vài trường hợp khác lại cần sự thoả thuận của các thương gia tư nhân. Vả lại, có những lợi điểm khi tách riêng một mục đích nào đó ra và tập trung vào mục đích này. Đây là một phương thức không những có cơ sở chiến thuật cho sự đối kháng của người da đen mà còn tạo được một bầu không khí thuận lợi cho giải pháp thoả hiệp. Cộng đồng được trình bày một đòi hỏi cụ thể rõ ràng thay vì một mớ bong bóng những khiếu nại và đòi hỏi luôn luôn bóp nghẹt khả năng suy tư lí luận có giới hạn của xã hội về những lỗi lầm của chính mình.<sup>57</sup>

Martin Luther King, Jr. cũng cùng đi đến một kết luận tương tự trong cùng hoàn cảnh: "...Chúng tôi khẳng định là một trong những lỗi lầm chính yếu vấp phải là đã phân tán những nỗ lực của chúng tôi ra quá rộng. Chúng tôi đã quá chăm chú vào việc tấn công xoá bỏ phân biệt chủng tộc một cách tổng quát nên đã không điều hướng sự chống đối của chúng tôi một cách có hiệu quả vào bất cứ một khía cạnh quan trọng nào cả. Chúng tôi kết luận là ở những cộng đồng nòng cốt thì có thể xúc tiến một trận chiến hữu hiệu nếu tập trung vào một khía cạnh của cái hệ thống ác ôn và phức tạp của sự phân biệt chủng tộc."<sup>58</sup>

Dĩ nhiên là có những nguyên nhân thất bại nghiêm trọng khác trong vụ Albany, nhưng những nguyên nhân này không phủ định những nhận định này.

Vì thế, thay vì một chiến dịch nhằm đến một mục tiêu rất tổng quát, Ebert viết: "Khi hoạch định kế hoạch dự tính; để thành công, chiến dịch khẩn thiết phải tìm cho đúng điểm tấn công hay là một điểm sẵn sàng gây bùng nổ, trong số nhiều điểm bùng nổ trong các liên hệ xã hội, điểm biểu tượng cho tất cả những xung khắc khác." <sup>59</sup> Trong chiến dịch Vykom, được phác họa ở Chương Hai, vấn đề nêu lên là quyền của người dân sử dụng con đường dẫn đến nhà của họ. Trong phong trào độc lập 1930-1931 vấn đề cụ thể đã phát động chiến dịch là các Thuế Muối, một vấn đề động chạm đến đời sống của hầu hết người dân tại Ấn Độ; những mục đích chính trị rộng lớn hơn đã được chất đống lại thành mური một yêu sách.<sup>60</sup>

Đây không phải là vấn đề khiêm nhường trong các mục đích của mình mà là vấn đề tập trung sức mạnh của mình theo những phương cách có thể



đem lại thắng lợi. Những người vạch kế hoạch chọn điểm tấn công, một khía cạnh cụ thể của vấn đề tổng quát biểu tượng cho “cái ác,” một khía cạnh mà đối phương khó bâu chữa và có thể kích động được sức mạnh lớn lao nhất để chống lại cái ác đó. Thành công trong những chiến dịch giới hạn như thế sẽ làm gia tăng tự tin cho những người hoạt động và khả năng hữu hiệu tiến đến việc đạt được những mục tiêu rộng lớn một cách toàn vẹn hơn một khi họ đã có kinh nghiệm về việc sử dụng những phương tiện hoạt động hữu hiệu để đạt được những mục đích của mình.

Việc lựa chọn điểm tấn công đòi hỏi một sự hiểu biết thấu đáo và một nhận thức sắc bén về toàn cảnh. Amiya Chakravarty đã mô tả rất tài tình khả năng của Gandhi phối hợp các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn lại với nhau trong việc chọn lựa một tụ điểm cho hành động. Đôi khi sự việc xảy ra là, Chakravarty viết, “Trong khi đang theo dõi một đường lối sửa đổi hiển nhiên thì chúng tôi lại tìm ra được một triệu chứng biểu tượng, minh chứng và thách thức tình trạng căn nguyên.” Một loạt tấn công vào những điểm này có thể giúp tiến công “từ toàn cảnh này đến toàn cảnh khác.” Ông viết tiếp là vấn đề nêu ra cần phải giữ cho được rõ ràng và trong sáng, ví dụ, ông chỉ rõ là lấy đối xử phân biệt trong những phòng hút nha phiến làm điểm tấn công về phân biệt chủng tộc là một lựa chọn sai lầm, còn quyền được cầu nguyện trong những thánh đường không phân biệt đối xử sẽ là “một vấn đề hoàn toàn hết sức nhất trí.” Đàn áp những người hoạt động bất bạo động đang dồn sức lực vào một điểm tấn công như thế chỉ có thể làm tăng sức mạnh lí tưởng đấu tranh của họ mà thôi. “Lần này đến lượt khác, Gandhi đã chứng tỏ một bản năng, một bản năng tinh thần về vấn đề đúng, về những vấn đề đồng quy hỗ trợ lẫn nhau ở tại một điểm.”<sup>62</sup>

Phương thức hành động chính trị này đã được chứng minh một cách hùng hồn bởi một nguồn hoàn toàn khác, đó là Lenin, người đã viết: “toàn bộ nghệ thuật chính trị nằm ở chỗ tìm ra được và nắm chặt, càng chặt càng tốt, cái mắc xích khó bị giằng ra khỏi bàn tay của ta nhất, cái mắc xích quan trọng nhất ở vào một thời điểm nhất định, cái mắc xích nó bảo đảm cho người có mắc xích này là sẽ có toàn bộ sợi dây xích.”<sup>63</sup>

## **NHỮNG YẾU TỐ CĂN BẢN TRONG CHIẾN LƯỢC BẤT BẠO ĐỘNG**

Chiến lược và những chiến thuật chiến tranh đã từng được hoạch định và học hỏi một cách cẩn thận, và đã có nhiều nỗ lực quan trọng nhằm đưa ra một lí thuyết cơ bản. Các châm ngôn, các lề luật và các hệ thống điều động chiến tranh đã từng được soạn thảo để đáp ứng một “yêu cầu khẩn trương.”<sup>123</sup> Trong lãnh vực hoạt động bất bạo động thì đến nay vẫn chưa có những phát triển tương đương. Gandhi đã có những nỗ lực có chủ ý quan trọng hơn cả trong việc hoạch định chiến lược và các chiến thuật trong kĩ thuật đấu tranh này. Tuy vậy, ông ta không phải là một nhà phân tích và cũng không phải là một lí thuyết gia; do đó, mặc dù ông đã

đóng góp trong lãnh vực thực hành và trong những nhận xét khái lược của ông, công việc phân tích và hoạch định chiến lược và các chiến thuật đã phải để lại cho người khác thực hiện. Chỉ mới gần đây người ta mới trở nên lưu ý đến những khó khăn và những khả năng của chiến lược và các chiến thuật trong đấu tranh bất bạo động chống lại những nhà độc tài quốc nội và những kẻ xâm lược có thể có<sup>124</sup>. Cần phải lưu ý đến cả lãnh vực rộng lớn của chiến lược và các chiến thuật lẫn những khó khăn cụ thể có thể xảy ra khi đối mặt với đối phương và khi tranh thủ các mục tiêu.

Chiến lược và các chiến thuật dĩ nhiên mang nhiều hình thái khác nhau và hiện hữu ở những mức độ khác nhau trong nhiều mặt của đời sống xã hội. Tuy nhiên, chúng đặc biệt quan trọng trong hoạt động quân sự và hoạt động bất bạo động; cả hai đều là những kĩ thuật mà theo đó những xung khắc xã hội và chính trị được phát động khi những xung khắc này đã phát triển đến độ cần phải đấu tranh công khai và cần phải đọ sức. Hình như có một vài điểm mà những soi sáng của chiến lược quân sự có thể ứng dụng được vào chiến lược bất bạo động; và cũng có những điểm mà những soi sáng về quân sự không nên ứng dụng, bởi vì bản chất cũng như những động cơ của hai kĩ thuật đấu tranh hoàn toàn khác biệt. Đoạn này do đó không chỉ thuần mô tả hay phân tích những nhận định hiện có về chiến lược trong hoạt động bất bạo động mà còn bàn đến việc du nhập những nguyên tắc quân sự vào nơi nào hợp lí đối với kĩ thuật bất bạo động, và nơi nào mà các nguồn tài liệu quân sự rõ ràng và sáng sủa hơn là những nhận định của những nhà hoạt động bất bạo động.

Sau đây là một vài định nghĩa ngắn gọn của những từ căn bản về chiến lược: đại chiến lược là một quan niệm rộng lớn nhất dùng để phối trí và điều hướng tất cả những tài nguyên của nhóm đấu tranh nhằm đạt những mục tiêu của cuộc xung đột. Chiến lược, một từ hạn hẹp hơn, là kế hoạch hành động bao quát cho cuộc đấu tranh toàn bộ, bao gồm việc tạo ra một hoàn cảnh thuận lợi, quyết định khi nào phải đánh, hoạch định kế hoạch bao quát cho việc thi hành những hoạt động cụ thể khác nhau trong cuộc xung đột tổng quát. Những chiến thuật là những kế hoạch cho những xung đột giới hạn hơn bên trong kế hoạch chiến lược đã lựa chọn.

### **A. Sự quan trọng của chiến lược và các chiến thuật**

Chiến lược cũng quan trọng trong hoạt động bất bạo động cũng như trong hoạt động quân sự. Dù các nguyên tắc và quan điểm quân sự không thể

tự động được ứng dụng vào lãnh vực hoạt động bất bạo động, nhưng sự quan trọng căn bản của chiến lược và các chiến thuật cũng không hề bị suy giảm đi chút nào. Do đó cần phải lưu ý đến những nguyên tắc chiến lược và các chiến thuật tổng quát thích hợp với kĩ thuật này (cả những nguyên tắc đặc thù của kĩ thuật này lẫn những nguyên tắc có thể ứng dụng từ chiến lược quân sự và từ những loại xung đột khác). Những khía cạnh này cần phải được xét định, dĩ nhiên là, trong bối cảnh của những động lực đặc thù và những cơ cấu đấu tranh bất bạo động.

Những người được đào tạo về quân sự sẽ lấy làm lạ khi thấy những người cổ võ những phương tiện đấu tranh bất bạo động lại nhấn mạnh tầm quan trọng của chiến lược và chiến thuật. Và những người có quá trình bất bạo động theo khuynh hướng tôn giáo và triết học cũng có thể ngạc nhiên khi thấy chiến lược và chiến thuật được đặt nặng thay vì những nguyên tắc đạo đức và lương tri. Do đó cần thảo luận qua về chức năng của chiến lược và các chiến thuật trong hoạt động bất bạo động.

Muốn tác động lên hậu quả của cuộc đấu tranh thì cần phải khôn ngoan lựa chọn phương thức hành động và tiến hành một cách cẩn thận và sáng suốt. Chỉ nói là mình chính đáng và làm điều đúng thì thật không đủ, bởi vì có thể có nhiều phương thức hành động “đúng” theo quan điểm đạo đức; điều “đúng” có thể bao gồm việc duy trì hay là tạo ra một đối lực cực mạnh chống lại cái “ác” và nếu vậy thì vấn đề là làm thế nào để thực hiện điều này; để đáp ứng trách nhiệm đạo đức và gia tăng tối đa hiệu quả của hành động của mình, những hành động này phải được lựa chọn một cách cẩn thận và thực hiện đúng thời điểm. Các nhà chuyên môn nghiên cứu và chỉ đạo chiến tranh đã học được từ lâu là những kết quả tốt đẹp nhất gặt hái được không phải chỉ vì do một sự bộc phát vũ lực thiếu kiểm soát và do hi sinh. Như Liddell Hart đã từng nói: “...việc chỉ đạo chiến tranh cần phải được kiểm soát bởi lí trí nếu muốn đạt được mục tiêu...Chiến lược càng tốt thì càng dễ chiếm thế thượng phong, và càng ít bị tổn thất.”<sup>125</sup> Cũng như trong chiến tranh, chiến lược và các chiến thuật được sử dụng trong hoạt động bất bạo động để sự can đảm, sự hi sinh, số lượng người và vãn vãn của những nhà hoạt động bất bạo động có thể gây được tác dụng lớn lao nhất.

Phương thức đấu tranh có thể mang nhiều hình thức khác nhau, tùy vào các chiến lược, chiến thuật, và những phương pháp lựa chọn để đáp ứng những nhu cầu đặc biệt của hoàn cảnh. Những hành động cụ thể như phản kháng, bất hợp tác, và can thiệp của tiến trình chiến dịch bất bạo động sẽ có hiệu quả nhất nếu những hành động này ăn khớp với nhau như là những bộ phận của một tổng thể toàn bộ, để mỗi hành động

cụ thể đóng góp tối đa vào sự phát triển và thành quả của cuộc đấu tranh. Do đó sự phối hợp thuận lợi tối đa cho những hoạt động sẽ đạt được ở nơi nào mà các nhà lãnh đạo phong trào với sự hiểu biết đầy đủ về tình hình và kĩ thuật có thể vạch ra được hướng đi cho các chiến dịch. “Chỉ có vị tướng chỉ huy chiến trận mới có thể biết được mục tiêu của từng nước đi một,”<sup>126</sup> Gandhi viết. Gandhi đã chọn chủ điểm đấu tranh, nơi chốn, thời điểm và phương pháp hành động hết sức cẩn thận, để cho phong trào của ông được đặt vào vị thế mạnh nhất có thể có đối với người Anh, và để cho chính những hành động chuyển đạt đến đồng bào người Ấn của ông một sự hiểu biết rõ ràng nhất và kích động được thiện cảm tối đa và hậu thuẫn của mọi người. Cũng như chiến lược quan trọng trong những cuộc đình công<sup>127</sup> lao động, thì nó cũng quan trọng đối với các loại đấu tranh bất bạo động phức tạp hơn — và còn quan trọng hơn nhiều, khi cuộc đấu tranh là để chống lại những nền độc tài quá khích.

Có đầy đủ chứng cứ lịch sử về sự quan trọng của chiến lược và các chiến thuật.<sup>128</sup> Đôi khi các chứng cứ này có tính tiêu cực, cho thấy hậu quả của sự thiếu vắng chiến lược hoặc không đưa ra những quyết định quan trọng đối với những vấn đề chiến lược và chiến thuật. Đôi khi những vấn đề khó khăn xảy ra trong tiến trình của những xung khắc đã có thể tránh được hoặc giải quyết một cách thoả đáng hơn nếu trước đó người ta hiểu biết hơn về vai trò và các nguyên tắc đấu tranh bất bạo động. Có những trường hợp khác, các chiến dịch bất bạo động vẫn cứ tiếp diễn sau thời điểm mà hầu như tất cả những mục tiêu và yêu sách đều đã có thể đạt được -- nhiều hơn rất nhiều, so với trường hợp những xung đột quân sự; những biến cố sau đó, do đó, sẽ dẫn đến sự thất bại của phong trào. Hay là trong những trường hợp khác phong trào bất bạo động tự xem mình đã thất bại mặc dù theo những tiêu chuẩn bình thường thì phong trào thực sự đang thắng; kết quả là hành động bất bạo động sau đó sẽ được thay thế bằng hành động quân sự được tin là có hiệu quả hơn. Những cuộc đấu tranh của người Mỹ chống lại chính quyền Anh có thể được diễn giải không có gì khó khăn theo chiều hướng này. Rất nhiều soi sáng sẽ được chiếu rọi vào những vấn đề và những nguyên tắc tổng quát của chiến lược bất bạo động, nếu thực hiện được những phân tích cẩn thận về chiến lược và chiến thuật của một số cuộc đấu tranh bất bạo động. Việc nhóm khiếu nại chấp nhận chiến lược cho cuộc đấu tranh cũng rất quan trọng; trong trường hợp nước Phần Lan năm 1901, sự bất đồng

ý kiến về việc làm thế nào để đối phó với đối phương hình như đã làm nổi bật một cách trầm trọng sự xung khắc nội bộ đang xảy ra<sup>129</sup>.

## **B. Một vài yếu tố then chốt trong chiến lược và các chiến thuật bất bạo động**

Mặc dù tương đối không có những phân tích chiến lược về những cuộc đấu tranh bất bạo động trong quá khứ và thiếu những nghiên cứu có hệ thống về những nguyên tắc căn bản của chiến lược bất bạo động, ta vẫn có thể liệt kê ra được một số nguyên tắc khá rõ ràng mang những hình thái cụ thể trong một số cuộc đấu tranh. Clausewitz viết là trong trường hợp chiến tranh thì dễ đưa ra một lí thuyết về các chiến thuật hơn là về chiến lược<sup>130</sup>. Cả hai loại lí thuyết đều rất khó trong hành động bất bạo động, và bảng liệt kê các nguyên tắc cung ứng ở đây hẳn là thiếu sót và chỉ có tính cách tạm thời.

**1. Gián tiếp tiếp cận sức mạnh đối phương.** Kỹ thuật hành động bất bạo động có thể được xem như là một sự phát triển cùng cực của phương thức “gián tiếp tiếp cận” chiến lược quân sự như Liddell Hart đã vạch ra, và đã được thảo luận trước đây trong chương này.

Liddell lí luận là chiến lược trực tiếp sẽ làm vững chắc sức mạnh của đối phương, còn phương thức gián tiếp thì về mặt quân sự có cơ sở hơn; thường đem lại hiệu quả khi mà kế hoạch hành động có tính “gián tiếp để chắc chắn là đối phương không sẵn sàng để chống lại.” Do đó, thay vì tấn công trực tiếp vào những vị trí mạnh của đối phương, Liddell nhấn mạnh vào sự quan trọng của các yếu tố tâm lí; mục đích của chiến lược lúc đó trở thành “làm suy giảm khả năng đối kháng...” “Gây bất ổn” cho kẻ thù, ông khẳng quyết, là thiết yếu cho việc tạo điều kiện để thắng lợi, và việc gây rối này phải được tiếp theo bằng “khai thác” cơ hội do vị thế bất ổn đó tạo ra. Do đó “vô hiệu hoá đối lực bằng cách làm tê liệt khả năng chống đối” và làm cho kẻ thù phải “làm một điều gì sai lầm”<sup>131</sup> trở nên quan trọng. Những nguyên tắc tổng quát này đều có thể áp dụng được vào việc dùng hành động bất bạo động để chống lại một đối thủ sử dụng phương tiện quân sự, để cho những phương tiện hành động của đối phương luôn luôn bị chọi lại một cách gián tiếp và sức mạnh đàn áp của ông ta sẽ dội ngược trở lại chính ông theo lối nhu thuật chính trị. Sau cùng, chính những nguồn sức mạnh của ông ta sẽ bị cắt giảm và loại bỏ mà không cần phải được trực tiếp đối đầu bằng cùng những phương tiện hành đấu tranh.

**2. Những yếu tố tâm lí.** Một vài trong số những yếu tố tâm lí trong chiến tranh quân sự có những tương đồng trong “chiến tranh không bạo lực”. Nhưng việc ứng dụng thì không phải tự động. Ví dụ, bất ngờ thường được xem như là một yếu tố khẩn yếu trong một vài thể loại của chiến lược quân sự. Tuy nhiên, trong hoạt động bất bạo động, những mục tiêu như đẩy kẻ thù vào thế bất cần, lợi dụng kẻ thù lúc không thể phản công được, v.v., mà yếu tố bất ngờ thường được sử dụng để tạo ra thường đạt được ở một mức độ khả quan chỉ bằng cách quyết chí sử dụng một kĩ thuật khác với kĩ thuật của đối phương trong cuộc đấu tranh. Hơn nữa, nhiều khi yếu tố bất ngờ lại gây tai hại cho những nhà hoạt động bất bạo động, bằng cách tăng khả năng hồi hộp trong quân đội, điều này lại có nghĩa là sẽ tạo nên nhiều đàn áp khắc nghiệt hơn và ít bất mãn hơn trong hàng ngũ quân đội.

Tinh thần của những nhà hoạt động cũng quan trọng trong những xung đột bất bạo động cũng như quan trọng trong những xung đột quân sự. Dân chúng như là một tập thể khẩn thiết cần hiểu rõ là sức mạnh quân sự của đối phương không đem lại cho ông ta quyền quản lí hay là chiến thắng. Sự tin tưởng vào hành động bất bạo động là nền tảng, cùng với những đặc tính của “người chiến sĩ” như Clausewitz mô tả, “sự dũng cảm, năng khiếu, sức chịu đựng và nhiệt tình.”<sup>132</sup>

**3. Những yếu tố địa lí và vật chất.** Sở hữu hay chiếm được quyền kiểm soát của một vài địa điểm nào đó tự nó cũng không được xem là quan trọng, ngay cả trong chiến tranh quân sự, mà chỉ quan trọng như là những “mắc xích trung gian”, như là “phương tiện để chiếm thế thượng phong hơn” để cuối cùng đạt được thắng lợi<sup>133</sup>. Trong lúc không *hoàn toàn* bị bỏ lơ trong đấu tranh bất bạo động, những yếu tố này đóng một vai trò hết sức nhỏ bé hơn nhiều, bởi vì kĩ thuật đấu tranh chủ yếu tùy thuộc vào ý chí và hành động của con người hơn là vào việc chiếm hữu những vị thế địa lí. Ví dụ có thể là quân đội chiếm được một địa thế vật chất nhưng chính thể điều động họ lại không kiểm soát dân chúng tại vùng này được hiệu quả. Một số địa thế, dinh thự, vãn vãn có lúc trở nên quan trọng trong đấu tranh bất bạo động, nhất là khi chúng có giá trị biểu tượng cao; trong những trường hợp này có thể áp dụng những phương pháp cản trở bất bạo động, đột kích bất bạo động và xâm chiếm bất bạo động. Tuy nhiên, ngay cả trong trường hợp này, chiếm hữu một số cứ điểm vật chất vẫn là thứ yếu đối với việc thoả mãn những điều kiện làm cho việc thúc đẩy các động lực tạo đổi thay có thể thực hiện được trong

đấu tranh bất bạo động. Còn nhiều yếu tố địa lí và vật chất khác; có lúc địa thế, thời gian trong ngày và thời tiết có thể quan trọng, và có thể cần có các “trại” cho những người tự nguyện và bệnh viện để chăm sóc những người bị thương.

Một chiến lược gia bất bạo động cần trọng thường chú trọng đến việc lựa chọn địa điểm cho việc xúc tiến các hành động chống đối. Gandhi thường hết sức chú trọng đến điểm này, như đã từng được minh xác trong những kế hoạch bất tuân dân sự về các Thuế Muối năm 1930. Để dùng làm địa điểm làm muối và nơi để châm ngòi cuộc đấu tranh toàn quốc, Gandhi đã chọn bờ biển Dandi ít người biết đến trên vùng vịnh Cambay, tự nó không quan trọng, nhưng là một địa điểm đã cho phép Gandhi và những người theo ông thực hiện một cuộc đi bộ suốt hai mươi sáu ngày -- bây giờ gọi là vụ Diễn Hành Muối nổi tiếng -- trong thời gian này ông đã có thể khơi động được sự lưu tâm của công chúng và tập trung chú ý vào những kế hoạch bất tuân dân sự của mình<sup>134</sup>. Cũng vậy, trong cuộc điều tra về những khốn khổ của nông dân tại Champaran, Bihar, năm 1917; khi Gandhi biết là mình sẽ bị bắt, ông đã đi đến Bettiah để được bị bắt giữa những nông dân nghèo khổ nhất của quận hạt.<sup>135</sup>

**4. Thời gian tính.** Tính toán thời điểm xúc tiến các chiến thuật có thể là điều tối quan trọng trong đấu tranh bất bạo động. Tính toán thời điểm có thể có vài thể loại. Ví dụ khả năng thẩm định khi nào sẵn sàng để có hành động trực tiếp, và khi nào cần kêu gọi hành động vì phản công của địch sẽ yếu nhất hoặc khi nào nên bỏ lỡ không hành động, là một điều cần thiết<sup>136</sup>. Thời gian tính cần phải được xét định tùy theo toàn cảnh; Nerhu đã phục Gandhi về điểm này khi ông viết: “...ông ta biết rõ Ấn Độ của mình và phản ứng theo từng chuyển động nhỏ bé nhất của đất nước, và cân nhắc hoàn cảnh một cách chính xác và hầu như là theo bản năng, và có một linh tính hành động đúng vào thời điểm tâm lí.”<sup>137</sup> Đã có người lí luận là “Tuyên Ngôn Không Trả Tiền Mướn Đất” của người Ái Nhĩ Lan hẳn đã thành công hơn nếu được đưa ra trước tháng Hai năm 1881 – như cánh quá khích Liên Minh Địa Sản mướn – thay vì sáu tháng sau đó, sau khi những người lãnh đạo đã bị bỏ tù và những cải cách đã làm nản ý chí đối kháng.<sup>138</sup>

Đôi khi tung ra một cuộc đấu tranh bất bạo động có thể được tính toán để trùng hợp với một ngày hay một cơ hội có ý nghĩa nào đó. Việc chọn ngày 6 tháng Tư, năm 1930 để bắt đầu chiến dịch bất tuân dân sự của Ấn Độ, chẳng hạn, đã trùng hợp với ngày bắt đầu của Tuần Lễ Quốc Gia, tuần lễ được ghi nhớ nhằm vinh danh những nạn nhân của vụ Thảm Sát Amritsar năm 1919<sup>139</sup>. Thời gian tính có thể còn quan trọng theo một ý



nghĩa khác nữa. Giờ và phút mà những người hoạt động bất bạo động nào đó cần phải có mặt ở một số địa điểm và sự phối hợp cho ăn khớp những hành động của các nhóm khác nhau có thể là thiết yếu; điểm này đã là trường hợp của một số hoạt động của sinh viên thuộc Miền Nam nước Mỹ<sup>140</sup>.

Theo một nghĩa khác nữa, thời gian tính có thể là nói về sự lựa chọn giai đoạn để kháng cự đối phương đang cố áp đặt hoặc nói rộng sự kiểm toả lên xã hội. Có lúc những yêu sách và hành động của đối phương đòi hỏi một sự phản ứng và kháng cự ngay tức khắc nếu muốn phá vỡ những nỗ lực của đối phương muốn thiết lập hay nói rộng kiểm chế. Trong trường hợp xâm lăng, chẳng hạn, thì điều này đặc biệt đúng ở ba điểm. Điểm thứ nhất xảy ra sau khi quyền lực chính thức bị chiếm đoạt và đất nước bị chiếm đóng. Điểm thứ hai là khi kẻ xâm lăng tìm kiếm sự hợp tác và hậu thuẫn của những nhóm quan trọng như là cảnh sát, công chức và các nghiệp đoàn thương mại. Điểm cuối cùng là lúc kẻ xâm lược cố phá huỷ những cơ chế xã hội độc lập, thu tóm tất cả các tổ chức và cơ chế lại dưới sự kiểm soát của hắn, và phân hoá dân chúng. Cứ mỗi khi một trong những tấn công như thế xảy ra thì điều quan trọng là phải chống đối ngay không chần chừ và không thể cứ “đợi xem” đã hay là cứ lần lữa. Chỉ có hành động tức tốc mới có hiệu quả. Trong những hoàn cảnh xung khắc khác, thời gian tính của hành động ở những giai đoạn khác nhau của cuộc đấu tranh cũng có thể quan trọng.

**5. Số lượng và sức mạnh.** Dù số lượng có thể hết sức quan trọng trong hành động bất bạo động lẫn hành động quân sự,<sup>141</sup> chúng chắc chắn không phải là yếu tố duy nhất và không bảo đảm được thắng lợi. “Phân tích và tạo lí thuyết về chiến lược dựa trên toán học” và cho rằng thắng lợi sẽ được quyết định chỉ bằng cách “tập trung lực lượng hùng mạnh vào một địa điểm được chọn lựa nào đó”<sup>142</sup> là một điều sai lầm. Trong đấu tranh bất bạo động -- nhất là khi sử dụng cưỡng ép bất bạo động, như trong một cuộc tổng đình công hay một cuộc nổi loạn -- thì số lượng nhiều khi là yếu tố quyết định. Nhưng không nên chỉ xét đến số lượng không mà thôi; số đông có thể là một điều bất lợi, hoặc vì những lí do chiến thuật hoặc là vì vấn đề kỉ luật hay sự tin cậy đã bị hi sinh để có được số đông như đã thảo luận trước đây trong chương này. Những chiến thuật và phương pháp đặc thù trong những hoàn cảnh nhất định nào đó có những đòi hỏi riêng biệt về những con số những người hành động. Có số đông mà không giữ được kỉ luật bất bạo động và cứ tiếp tục

hành động mặc dù đàn áp xảy ra có thể làm phong trào yếu đi, nhưng nếu có được những tiêu chuẩn và kỉ luật cần thiết thì số đông có thể trở thành “vô địch.”<sup>143</sup>

**6. Vấn đề tranh chấp và tập trung sức mạnh.** Nếu muốn có được chiến lược và những chiến thuật khôn ngoan để xúc tiến hoạt động bất bạo động cho có hiệu quả nhất thì việc chọn lựa cẩn thận những chủ điểm đấu tranh là khẩn yếu, như đã thảo luận ở trên. Trong các chiến dịch quân sự quy ước, những chủ điểm này phần lớn được quyết định bởi việc xét định địa hình, vấn đề tiếp vận và những điều tương tự. Nhưng trong các chiến dịch bất bạo động thì chúng hầu như là hoàn toàn được quyết định bởi những nhân tố chính trị, tâm lí, xã hội và kinh tế.

Không có gì thay thế được cho sức mạnh thuần chất của đấu tranh bất bạo động. Nếu thiếu điểm này thì cố gắng đấu tranh cho một mục tiêu quá rộng lớn khó đạt được là một điều không khôn ngoan. Để được hữu hiệu, đấu tranh bất bạo động cần phải được tập trung vào những điểm khẩn yếu được chọn lựa sau khi đã xét định sức mạnh của chính mình, những mục tiêu và vị thế của đối phương (bao gồm cả những nhược điểm), và sự quan trọng của chính chủ điểm đấu tranh. Châm ngôn của Napoléon là không thể là quá mạnh ở điểm quyết định cũng áp dụng rất đúng ở đây.<sup>144</sup> Khi chọn điểm này thì cũng phải xét đến xác suất của hậu quả trong trường hợp thua hoặc thắng. Điều này liên hệ chặt chẽ với hệ luận đầu tiên trong số những hệ luận của chiến lược và các chiến thuật đã được Liddell Hart phác thảo:

Điều chỉnh mục đích của mình theo phương tiện mình có. Khi xác định một đối tượng thì điều chính yếu là cần thấy rõ và tính toán khách quan. “Cắn một miếng lớn mà mình không nhai được” là rồ dại, và khởi đầu của sự khôn ngoan quân sự là ý thức điều gì có thể làm được. Do đó cần phải học hỏi đối diện với thực tế sự kiện mà vẫn giữ niềm tin: sẽ có nhu cầu lớn cho việc cần có niềm tin -- niềm tin mình có thể làm được điều mà thường thấy là không thể làm được -- một khi hành động bắt đầu. Tự tin giống như dòng điện trong một bình điện: tránh làm cạn điện vào một nỗ lực vô ích—và nhớ rằng lòng tự tin dẻo dai của quý vị sẽ chẳng làm được gì nếu các ngăn học của bình điện, những người mà quý vị trông cậy, đã bị kiệt sức.<sup>145</sup>

Có thể có những trường hợp đặc biệt, như trường hợp có nỗ lực phân hoá dân chúng thì đòi hỏi cần phải có hành động mặc dù có nhiều nhược điểm; nhưng dù ngay cả trong trường hợp này vẫn cần phải xét định sức mạnh thực sự của mình, và trong lúc vạch chiến lược và các chiến thuật, cần phải cố gắng xem thử sức mạnh của mình có thể sử dụng được thuận lợi nhất hay không và các nhược điểm có thể bỏ qua hay là sửa đổi khẩn cấp được không.

“Những nguyên tắc chiến tranh, không phải chỉ một nguyên tắc, có thể cô đọng lại trong một cụm từ duy nhất – ‘tập trung’. Nhưng thực ra thì từ này cần phải được nói rộng ra là ‘tập trung sức mạnh để đánh vào điểm yếu.’”<sup>146</sup> Nguyên tắc quân sự này cũng được áp dụng vào đấu tranh bất bạo động và đã từng được Gandhi nhấn mạnh. Tập trung trong các cuộc đấu tranh bất bạo động chủ yếu sẽ được đặt vào một số điểm chính trị, xã hội và kinh tế biểu tượng cho những hoàn cảnh tổng quát rộng lớn hơn. Điều này liên hệ đến một hệ luận khác trong số những hệ luận của Liddell Hart: “*Luôn luôn chú tâm vào đối tượng của mình*, trong khi thích nghi kế hoạch theo hoàn cảnh. Phải biết là có nhiều cách để tranh thủ đối tượng, nhưng phải lưu ý là mọi mục tiêu đều phải nhằm đến đối tượng.”<sup>147</sup> Những nhà đấu tranh bất bạo động sẽ tìm cách tấn công vào một khía cạnh cụ thể biểu tượng cho cái “ác” mà họ đang đánh phá, khía cạnh mà đối phương khó chống đỡ nhất và là khía cạnh có thể gây nên sức mạnh lớn nhất từ những người hoạt động bất bạo động cũng như từ quảng đại quần chúng. Thành công ở một điểm giới hạn như thế sẽ làm tăng lòng tự tin và khả năng tiến hành một cách hữu hiệu đến việc đạt được trọn vẹn hơn các mục tiêu của họ. Một khi đã chọn được điểm để tập trung tấn công rồi thì họ không được để mình đi chệch hướng vào một con đường hành động nhỏ bé hơn hoặc vào một ngõ cụt.<sup>148</sup>

**7. Sáng kiến.** Trong đấu tranh bất bạo động – ngay cả trong các giai đoạn tự vệ của cuộc đấu tranh -- việc những nhà hoạt động phải giành cho kì được và giữ lấy sáng kiến là một điều rất quan trọng. Gandhi viết<sup>149</sup> là “Một vị tướng có khả năng luôn luôn xung trận theo thời điểm và địa điểm mà ông lựa chọn. Ông luôn luôn giữ sáng kiến về những lãnh vực này và không bao giờ để nó lọt vào tay kẻ thù.” Một đặc điểm quan trọng được Nehru nêu lên giữa chiến dịch 1930 -- được mô tả ít nhất cũng là “hoà”—và chiến dịch 1932, rõ ràng là một thất bại của người Ấn, là năm 1930 “sáng kiến tuyệt nhiên đã nằm về phía Quốc Hội và nhân dân” trong lúc sáng kiến khoảng đầu năm 1932 hoàn toàn thuộc về phía Chính Quyền, còn Quốc Hội thì luôn luôn ở thế tự vệ.”<sup>150</sup> Nhóm lãnh đạo bất bạo động cần phải có khả năng quản lí hoàn cảnh và chứng minh là mình nắm được khả năng quản lí đó.<sup>151</sup> Nirmal Kumar Bose viết là một nhà lãnh đạo của một chiến dịch bất bạo động “...không nên để cho địch thủ áp đặt hoặc ép một bước nào lên ông ta cả...cũng như không được để mình bị vùi dập bởi những biến cố tạm thời.”<sup>152</sup> Cho nên, ở nơi nào có thể được, thì nhóm bất bạo động, chứ không phải đối phương, sẽ chọn thời điểm,

chủ điểm đấu tranh, và đường hướng hành động và tìm cách duy trì sáng kiến dù bị đối phương đàn áp. Trong những trường hợp mà cuộc xung khắc do đối phương thúc đẩy, như trong một vụ *đảo chánh* hay xâm lược hoặc khi những biện pháp đàn áp mới được áp đặt thì các nhà đấu tranh bất bạo động sẽ phải cố gắng phục hoạt sáng kiến cho mình càng nhanh càng tốt.

### **C. Chọn lựa vũ khí**

Để đạt được những kết quả tối ưu, việc chọn lựa vũ khí bất bạo động để khởi xướng và điều động chiến dịch cần phải được thực hiện một cách cẩn trọng và khôn ngoan. Cần phải quyết định phương pháp nào trong số những phương pháp bất bạo động cụ thể được mô tả trong Phần Hai (và có thể là những phương pháp khác nữa) là thích hợp nhất cho một cuộc xung đột nhất định. Quyết định này cần phải được thực hiện sau khi xét định nhiều nhân tố khác nhau. Những nhân tố này bao gồm các vấn đề tranh chấp, bản chất của các nhóm đối lực, thể loại văn hoá và xã hội của mỗi nhóm, và bối cảnh xã hội và chính trị của cuộc xung đột. Các nhân tố khác là những phương thức tạo thay đổi mà nhóm bất bạo động muốn thực hiện (như là cải hoá hay cưỡng ép), kinh nghiệm của nhóm bất bạo động, và khả năng của họ áp dụng vào hoạt động bất bạo động. Sau cùng còn có thể loại của đàn áp, những phản công có thể có, và khả năng nhóm bất bạo động chịu đựng được những điều này, và những cường độ dẫn thân vào cuộc đấu tranh của nhóm bất bạo động. Dĩ nhiên là còn những nhân tố khác nữa.

Số lượng những phương pháp được sử dụng trong bất cứ một cuộc xung đột duy nhất nào đó cũng sẽ biến đổi chỉ từ một đến cả hàng tá. Sự lựa chọn những phương pháp nào đó để sử dụng cho một chiến dịch nhất định sẽ dựa trên cơ sở của một số nhân tố. Một trong những nhân tố này là xét định xem những đặc tính căn bản của phương pháp này có chứa đựng những đặc tính cần có cho cuộc xung đột đó hay không. Ví dụ, nói một cách tổng quát thì những phương pháp thuộc loại phản đối và thuyết phục bất bạo động (Chương Ba) thường có hiệu quả phần lớn mang tính biểu tượng và tạo ra được ấn tượng là có sự hiện diện của đối lập. Theo tỉ lệ thì tác dụng của những phương pháp này mạnh hơn dưới những chế độ độc đoán trong đó đối lập và bất tuân thường hay bị ngăn cản và hiếm có. Tuy vào số lượng người tham dự, những phương pháp bất hợp tác (Chương Bốn, Năm, Sáu và Bảy) thường gây ra khó khăn cho việc duy trì sự điều hành và hiệu năng bình thường của hệ thống. Trong những hoàn

cảnh trầm trọng, những phương pháp này có thể đe dọa sự tồn tại của hệ thống. Những phương pháp can thiệp bất bạo động (Chương Tám) có những đặc tính của cả hai loại trên, nhưng thêm vào đó thường hay tạo nên một sự thách thức trực tiếp đối với chế độ. Loại phương pháp này có thể gây tác dụng mạnh hơn với số lượng người ít hơn, với điều kiện là không sợ hãi và kỉ luật được duy trì.

Tiến từ thể loại phản kháng và thuyết phục bất bạo động đến thể loại bất hợp tác và từ đó tiến đến can thiệp bất bạo động thường là một tiến trình gia tăng tiệm tiến về mức độ hi sinh đòi hỏi ở những người đấu tranh bất bạo động, về nguy cơ xáo trộn sự an bình và trật tự công cộng, và về hiệu năng. Những phương pháp bất hợp tác có thể được cắt nghĩa như là sự rút lui không hợp tác với hệ thống tà, và do đó mang ý nghĩa của một hành động tự vệ có tính đạo đức. Sử dụng thể loại những phương pháp này, đối chiếu với phương pháp can thiệp bất bạo động, cũng có thể đóng góp vào việc tạo ra một hoàn cảnh xã hội *tương đối* ít bùng nổ và ít nguy hiểm hơn, vì những phương pháp này chỉ là rút lui sự hợp tác đang có hay là giữ lại những hình thức hợp tác mới với đối phương.<sup>153</sup> Những hình phạt và đau khổ áp đặt trực tiếp hay gián tiếp lên những người bất hợp tác, mặc dù có lúc rất nặng nề, nhưng tương đối ít nặng nề hơn là những hình phạt và đau khổ trong trường hợp can thiệp bất bạo động. Thêm nữa, nguy cơ đàn áp như thể trong trường hợp này thì ít hơn. Hơn nữa, bảo người ta đừng làm một việc gì, nghĩa là, bảo bất hợp tác, thì dễ hơn là lôi kéo người ta làm một việc gì nguy hiểm bị cấm đoán.

Muốn bất hợp tác được hiệu quả thì cần phải có số lượng người tham gia lớn hơn là số người mà phản kháng có tính biểu tượng hay can thiệp thường đòi hỏi, và hành động thường kéo dài trong một thời gian lâu hơn. Thường thì thời gian lâu là cần thiết để phương pháp bất hợp tác tạo được tác dụng của nó. Năm 1930 Gandhi nói là trong lúc muốn cho chiến dịch tẩy chay hàng vải ngoại thành công, cần phải có ba trăm triệu người, nhưng chỉ cần một đạo quân mười ngàn người đàn ông và phụ nữ thách thức là đủ cho chiến dịch bất tuân dân sự.<sup>154</sup> Nhiều phương pháp can thiệp bất bạo động có thể chỉ được thi hành trong một thời gian giới hạn. Do đó muốn có được hiệu quả lâu dài thì phải tái diễn hành động một cách liên tục. Những phương pháp này do đó đòi hỏi những người thi hành có kĩ năng hơn, đáng tin cậy hơn và quyết chí hơn là những phương pháp bất hợp tác. Vì điểm này mà những phương pháp can thiệp bất bạo động gấp rút hơn thường đòi hỏi phải được chuẩn bị kĩ càng mới có thể

áp dụng một cách thành công được. Hơn nữa, những phương pháp này thường được phối hợp tốt đẹp hơn hết với những hình thức hoạt động bất bạo động khác. Và phong trào sử dụng những phương pháp can thiệp phải có kĩ luật cao hơn và lãnh đạo tốt hơn. “Những biện pháp gấp rút nhất luôn luôn chứa đầy những nguy hiểm lớn lao hơn cả và đòi hỏi kĩ năng cao nhất để có thể sử dụng chúng.”<sup>155</sup>

Một nhân tố quan trọng khác trong việc lựa chọn những phương pháp cần có để sử dụng trong chiến dịch là các nhà hoạt động có ý định tạo thay đổi bằng phương thức cải hoá, thích nghi, hay là cưỡng ép bất bạo động. Trong bối cảnh đó, những thuyết phục đối phương thay đổi mà nhóm bất bạo động đang cố đưa ra có thể quan trọng; những thuyết phục này bao gồm, chẳng hạn như những mất mát về kinh tế, làm yếu đi vị thế chính trị, mặc cảm tội lỗi, những nhận thức mới, vân vân. Muốn cải hoá đối phương thì những phương pháp như là tổng đình công, nổi loạn hay lập chính quyền song song dĩ nhiên là không thích hợp. Nhưng nếu chủ định là cưỡng ép bất bạo động thì những phương pháp này chính là những phương pháp cần đến, còn những hình thức trông cậy vào tác dụng lên hiệu quả tâm lí và tình cảm của lãnh đạo đối phương thì chỉ làm mất thì giờ và sức lực. Tuy thế, vấn đề lại phức tạp và thông thường những phương pháp tạo nên những áp lực khác biệt nhau và sử dụng những phương cách khác nhau lại có thể phối hợp với nhau một cách hữu hiệu trong cùng một chiến dịch. Đưa ra quy luật nhanh chóng thì không thể được.

Trong hầu hết các trường hợp, cần phải dùng nhiều hơn là một phương pháp; tiếp đến là trình tự các phương pháp được áp dụng, những cách thức các phương pháp được phối hợp với nhau, và những phương pháp này ảnh hưởng như thế nào lên việc áp dụng những phương pháp khác và đóng góp như thế nào vào cuộc đấu tranh toàn bộ, trở nên tối quan trọng. Những phương pháp cần áp dụng phải được xét đến không những chỉ vì tác dụng cụ thể và tức thời của chúng lên hoàn cảnh xung đột và lên đối phương; mà cũng quan trọng là vì sự đóng góp của chúng vào sự phát triển tiệm tiến của phong trào, vào những thay đổi về thái độ và những tương quan lực lượng, vào những biến đổi về sự hỗ trợ đối với mỗi phe, và vào việc áp dụng và những hiệu quả sau này của những phương pháp bất bạo động triệt để hơn.

Đôi khi sự phối hợp các phương pháp tương đối đơn giản, nhất là khi hoạt động có tính địa phương hay giới hạn. Những cuộc tẩy chay kinh tế đã từng được áp dụng, chẳng hạn, để hỗ trợ những “biểu tình ngồi” chống kì thị chủng tộc, và làm hàng rào cản cũng thường được dùng để hỗ trợ

những cuộc đình công. Tuy nhiên khi một cuộc tổng đình công được dùng để hỗ trợ quân lính chính quyền nổi loạn thì hoàn cảnh bắt đầu trở nên phức tạp hơn, nhanh chóng đòi hỏi phải sử dụng nhiều phương pháp hơn.

Đối với những chiến dịch quy mô được vạch ra để chống lại những đối thủ quyết liệt thì câu hỏi làm thế nào để phối hợp việc sử dụng một vài phương pháp không phải dễ trả lời; câu hỏi này phải được xét định trong bối cảnh của cả chiến lược toàn bộ của cuộc đấu tranh lẫn của những giai đoạn có tính địa phương và có giới hạn hơn. Trong một cuộc đấu tranh dài hạn, phân chia thành giai đoạn rất quan trọng, và việc lựa chọn và trình tự của các phương pháp có thể là nhân tố độc nhất quan trọng hơn cả trong công việc phân chia giai đoạn đó. Ví dụ Waskow nói đến sự “leo thang” của hỗn loạn mà không cần bạo động.<sup>156</sup> Sự quan trọng của sự phát triển theo giai đoạn này của một chiến dịch bất bạo động đã từng được các chuyên gia về loại đấu tranh bất bạo động của Gandhi nhấn mạnh, như là Bose<sup>157</sup> và Bondurant. Một trong “chín quy luật” của nhà đấu tranh bất bạo động (satyagraha) Bondurant liệt kê là:

Thúc đẩy tiệm tiến phong trào qua những bước và những giai đoạn được ấn định để thích ứng vào hoàn cảnh nhất định. Quyết định khi nào cần phải tiến lên thêm một giai đoạn đấu tranh bất bạo động (*satyagraha*) nữa cần phải được cân nhắc cẩn trọng dựa trên hoàn cảnh luôn luôn biến đổi, nhưng cần phải tránh tình trạng tĩnh.<sup>158</sup>

Do đó có thể cần quyết định là một số phương pháp sẽ phải đi trước những phương pháp khác, để sau này có thể dùng những hình thức triệt để hơn.

Gandhi thường xuyên dùng phản ứng của những người tình nguyện và của công chúng đối với một hành động nào đó để thử nghiệm xem có thể tiến thêm được xa hơn, đến một hình thái hành động triệt để hơn hay không, dựa trên tiêu chuẩn mức độ dần thân, sự sẵn sàng hành động, khả năng chịu đựng những trừng phạt của đối phương, mức độ kỷ luật, và khả năng giữ được vừa không sợ hãi vừa bất bạo động. Trong phúc trình trước Ủy Ban Hunter năm 1920, ông nói rằng:

*Hartal* (đóng cửa tiệm và nghỉ việc) được thiết kế để đánh động trí tưởng tượng của người dân và của chính quyền...Tôi không có phương tiện để hiểu thấu đầu óc của Ấn Độ ngoại trừ bằng một phong trào thu hút sự quan tâm như thế. *Hartal* là một chỉ dấu thích đáng cho tôi biết được là tôi có thể thực thi bất tuân dân sự đến mức độ nào.<sup>159</sup>

Ông cũng còn dùng sự tẩy chay của giới tiêu thụ để thử nghiệm xem đã sẵn sàng để dùng phương pháp bất tuân dân sự được hay chưa. Gandhi viết năm 1921: “Tôi tin chắc là nếu chúng ta thực hiện được việc tẩy chay hàng vải ngoại thành công thì chúng ta sẽ đã có thể tạo ra được một khung cảnh cho phép chúng ta đánh dấu sự khởi đầu bất tuân dân sự ở một mức độ mà không có một Chính quyền nào có thể cưỡng lại được.”<sup>160</sup>

Năm 1920 Gandhi đã phúc trình ở Ấn Độ Trẻ Trung là những người tổ chức phong trào bất hợp tác sắp tới đã quyết định là phong trào phải được xúc tiến theo bốn giai đoạn: 1) từ bỏ những chức vụ và tước vị danh dự, 2) tuân tự động rút lui không làm việc cho chính phủ, 3) rút cảnh sát và quân đội ra khỏi dịch vụ của chính phủ (“một mục đích xa”), và 4) ngưng trả các thứ thuế (“một mục đích xa hơn nữa”).<sup>161</sup> Giai đoạn một đòi hỏi nguy hiểm và hi sinh tối thiểu,<sup>162</sup> hai giai đoạn cuối thì đem lại nhiều nguy hiểm hơn cả.<sup>163</sup>

Phong trào 1930-1931 được thiết kế theo một chiến lược khác, bắt đầu bằng những phản đối bất bạo động, như là chính cuộc Diễn Hành Chống Thuế Muối và những cuộc mít tinh đông đảo, và những hình thức bất hợp tác chính trị nhẹ nhàng, như những vụ rút lui có giới hạn ra khỏi ngành lập pháp ở cấp tỉnh -- tất cả đều chỉ đòi hỏi một số ít người. Phong trào quần chúng tự nó trực tiếp bắt đầu bằng sự bất tuân dân sự về một luật bị xem là trái với đạo đức, rồi phát triển ra bao gồm những hình thức bất hợp tác nhẹ nhàng lẫn những hình thức bất hợp tác triệt để hơn và can thiệp bất bạo động.<sup>164</sup>

#### **D. Chọn lựa chiến lược và chiến thuật**

Chiến lược tổng quát, các loại chiến thuật, và sự lựa chọn các phương pháp đã được những người lãnh đạo thực hiện sẵn thường sẽ quyết định hướng đi đại thể và cách điều hành chiến dịch suốt cuộc đấu tranh. Việc chọn lựa này do đó hết sức quan trọng. Cũng như trong chiến tranh, rất nhiều nhân tố cần được xét định khi lựa chọn chiến lược và các chiến thuật. Tuy nhiên, những động cơ và phương thức khác nhau của đấu tranh bất bạo động hình như làm cho sự tương quan giữa những nhân tố này đậm nét và phức tạp hơn là trong đấu tranh quân sự.

Nền tảng cho công tác này là cẩn trọng xét định các mục tiêu chính và phụ của đối phương, và những mục tiêu khác nhau của nhóm bất bạo động. Đánh giá chính xác các ưu và nhược điểm của đối phương và của chính mình, và xét định những ưu khuyết điểm này khi thiết kế chiến lược



và các chiến thuật là một điều hết sức quan trọng. Không làm như vậy có thể đưa tới hoặc những kế hoạch quá tham vọng gây nên thất bại vì không dựa trên thẩm định thực tế về những gì có thể thực hiện được, hoặc những kế hoạch quá nhút nhát dẫn đến thất bại chính vì nhắm đến quá ít. Thẩm định các ưu điểm và bản chất của đối phương có thể giúp lãnh đạo bất bạo động phác họa một đường hướng đấu tranh rất có thể tạo ra hoặc làm trầm trọng thêm các nhược điểm và các tranh chấp nội bộ trong hàng ngũ của họ. Thẩm định đúng những nhược điểm của chính nhóm bất bạo động có thể dùng vào việc lựa chọn chiến lược và các chiến thuật với dụng ý tránh những nhược điểm này, và cũng có thể đóng góp vào việc làm cho các nhược điểm đó trở thành vững chắc hơn. Cần có những phỏng định là cuộc đấu tranh sắp tới sẽ kéo dài bao lâu và những phỏng định như thế rất quan trọng đối với việc hoạch định đường hướng đấu tranh. Nhưng cũng cần phải dự trù khi phỏng định sai lệch và phải có những chiến lược phòng hờ nhờ khi cuộc đấu tranh kéo dài thay vì ngắn ngủi.

Cần trọng xét định những nhân tố khác trong hoàn cảnh tổng quát sẽ cần thiết cho việc quyết định xem các điều kiện có thuận lợi để tung ra hành động bất bạo động hay không, và, nếu được, thì các điều kiện tổng quát và cụ thể của hoàn cảnh có nghĩa gì đối với việc hoạch định chiến lược. Sibley đã từng nhấn mạnh là

...Việc sử dụng đối kháng bất bạo động hữu hiệu tùy thuộc không những chỉ vào huấn luyện đầy đủ và dần thân mà còn tùy thuộc vào hoàn cảnh “khách quan” nữa: những điều kiện ngoại tại phải chín mùi thì chiến dịch mới có hiệu quả, và nếu không thì sự khôn ngoan và đạo đức buộc không nên dùng đối kháng bất bạo động.<sup>165</sup>

Gandhi khẳng định là khi thiết kế và thi hành chiến lược và các chiến thuật của cuộc đấu tranh, những người lãnh đạo cần phải đáp ứng những những phẩm chất đã được chứng minh của phong trào và hoàn cảnh đang diễn biến:

Trong chiến dịch đấu tranh bất bạo động (satyagraha) phương thức đấu tranh và sự lựa chọn các chiến thuật, ví dụ, nên tiến hay nên thoái, đưa ra đối kháng dân sự hay là tổ chức sức mạnh bất bạo động qua công việc hữu ích và dịch vụ nhân đạo hoàn toàn vị tha, đều được quyết định tùy theo yêu cầu của hoàn cảnh.<sup>166</sup>

Chiến lược và chiến thuật dĩ nhiên là lệ thuộc vào nhau. Những chiến thuật chính xác chỉ có thể vạch ra được trong bối cảnh của chiến lược toàn bộ và của sự hiểu biết thấu đáo về toàn cảnh và những phương

pháp cụ thể có thể sử dụng được. Chọn lựa và thực hiện khéo léo các chiến thuật không bù trừ cho một chiến lược toàn bộ dở được, và một chiến lược hay cũng sẽ bất lực nếu không được thi hành nhằm thực hiện các chiến thuật đúng đắn: "...chỉ những kết quả lớn lao của chiến thuật mới đem lại những kết quả lớn lao về chiến lược..."<sup>167</sup>

Liddell Hart đưa ra ý kiến là đường lối đấu tranh phải có nhiều hơn là một mục tiêu.

*Hãy nắm lấy một phương thức hoạt động có nhiều mục tiêu có thể luân hoán cho nhau. Như thế bạn sẽ đặt đối phương vào thế tiến thoái lưỡng nan, bảo đảm bạn đạt được ít nhất là một mục tiêu -- mục tiêu mà đối phương ít phòng thủ nhất -- và có thể giúp bạn đạt được cứ mục tiêu này rồi đến mục tiêu khác.*

Nhiều mục tiêu luân hoán cho phép bạn nắm giữ cơ hội đạt được một mục tiêu; trong lúc chỉ một mục tiêu duy nhất, trừ phi kẻ thù yếu kém một cách tuyệt vọng, thì chắc chắn có nghĩa là bạn sẽ không đạt được mục tiêu đó -- một khi kẻ thù không còn nghi ngờ gì về mục đích của bạn nữa. Không có lối làm nào thông thường hơn là nhằm lẫn giữa một đường lối hoạt động duy nhất, thường là một điều khôn ngoan, với một mục tiêu duy nhất, thường là một điều vô tích sự.<sup>168</sup>

Dù sao thì điều này một phần lớn cũng thường xuyên xảy ra trong hoạt động bất bạo động dù không có kế hoạch gì cả, vì nhóm bất bạo động thường vừa nhằm đạt những mục tiêu nào đó vừa nhằm đạt những thay đổi tổng quát về thái độ và tương quan lực lượng trong mỗi nhóm và giữa các nhóm đang chống đối nhau. Những thay đổi tổng quát này thường xảy ra trong suốt thời gian của cuộc xung đột, và có thể đạt được ở một mức độ khả quan ngay cả trong những trường hợp không đạt được mục đích chính trị. Tuy nhiên, cần phải lưu ý đến khả năng áp dụng nguyên tắc chiến lược của Liddell Hart vào những mục tiêu cụ thể có giới hạn, với điều kiện là điều này không vi phạm nguyên tắc tập trung đã được thảo luận trước đây.

Sự diễn biến tiệm tiến của phong trào, một phần nào mang sắc thái của những phương pháp hành động mới được đưa vào theo sự thu xếp sẵn (như đã thảo luận ở phần trước), cũng sẽ đem lại kết quả nếu được thiết kế chiến lược cẩn thận. Diễn biến như thế sẽ giúp bảo đảm là sửa đổi phương pháp hay đường lối hoạt động mới sẽ đóng góp vào việc sử dụng tối đa lực lượng của những người hoạt động, tạo điều kiện để lên tinh thần, và gia tăng xác suất thắng lợi. Không có một nhận thức chiến lược sáng suốt thì những thay đổi từ loại hành động này sang loại hành động khác có thể xảy ra mà không có mục đích hay hiệu quả, và những kết quả nản lòng sau đó có thể dẫn đến trước tiên là sự gia tăng hoài nghi về chuyện gì cần làm, tiếp đến là mất tinh thần, và sau cùng là sự tan rã của phong trào bất bạo động.

Phân giai đoạn có chiến lược những chiến dịch bất bạo động dĩ nhiên không phải là điều mới mẻ. Tuy nhiên hiểu thấu đáo hơn bản chất của kĩ thuật này và của những nguyên tắc chiến lược có thể làm cho việc phát triển đầy đủ và việc sử dụng có hiệu quả một sự phân chia giai đoạn như thế khả thi hơn là trước đó. Ba thí dụ có trước về việc phân giai đoạn sẽ được trình bày ở đây. Hội nghị cấp tỉnh của Virginia [Provincial Convention of Virginia], họp vào khoảng đầu tháng Tám, năm 1774, đã phác hoạ ra một chiến dịch bất hợp tác kinh tế có giai đoạn nhằm đạt những mục tiêu đã hoạch định sẵn. Hội nghị định ngày cho việc thực hiện những giai đoạn mới của chiến dịch, có thể thay đổi tùy theo sự thoả thuận của những đại biểu của Virginia trong Đại Hội Lục Địa [Continental Congress]. Bắt đầu ngay là không nhập cảng và không dùng trà. Nếu Boston bị ép buộc phải hoàn tiền về các tổn thất (như tổn thất trà trong vụ Boston Tea Party) cho Công Ti Đông Ấn [East India Company] thì việc tẩy chay sẽ nới rộng đến tất cả các hàng hoá do công ti bán cho đến khi nào số tiền này được trả lại. Vào ngày mùng 1 tháng Mười Một đã có một cuộc tẩy chay toàn bộ tất cả các hàng hoá (ngoại trừ thuốc men) nhập cảng trực tiếp hoặc gián tiếp từ Anh quốc, bao gồm tất cả những nô lệ bắt cứ từ đâu đem đến. Nếu những yêu sách từ thuộc địa không được đáp ứng trước ngày 10 tháng Tám, năm 1775 (tức một năm sau) thì sẽ áp dụng một chương trình tuyệt đối không xuất cảng tất cả mọi thứ hàng hoá sang Anh quốc. Thời gian một năm trước khi chương trình không xuất cảng có hiệu lực giúp người Mỹ trả nợ cho những thương gia Anh, và giúp những nhà trồng thuốc lá ở Virginia chuyển sang trồng các nông phẩm khác có thể dùng được ở địa phương.<sup>169</sup> Chiến dịch có giai đoạn được người dân Virginia soạn thảo này là tiền thân của chương trình mà Đại Hội Lục Địa Lần Thứ Nhất [First Continental Congress] chấp thuận.

Một chiến dịch hành động của nông dân có giai đoạn được phát động ở Nga bởi Đại Hội Hiệp Hội Nông Dân lần thứ Hai [Second Congress of the Peasants Union], họp tại Moskow tháng Mười Một năm 1905, trong thời gian cách mạng của năm này. Hội Nghị kêu gọi sử dụng những phương pháp dùng áp lực hoà bình (như là tập thể nông dân từ chối mua hay mướn đất của địa chủ) để đạt được việc chuyển nhượng đất đai cho nông dân. Nếu những phương pháp này không đem lại kết quả thì Hiệp Hội sẽ kêu gọi một cuộc tổng đình công điền thổ để trùng hợp với một cuộc tổng đình công ở các đô thị. Nếu chính quyền Nga hoàng sách nhiễu

Hiệp Hội thì Hiệp Hội sẽ kêu gọi nông dân khước từ trả thuế và phục vụ trong quân ngũ.<sup>170</sup>

Những người chủ trương Liên Châu Phi [Pan-Africanists] tại Nam Phi đã vạch kế hoạch cho một chiến dịch thách thức các Luật Thông Hành [Pass Laws] vào mùa Xuân năm 1960 đơn giản như là giai đoạn một của một cuộc đấu tranh dài hạn gồm có ba mặt trận: 1) *chính trị*, với mục đích quốc tế cô lập Nam Phi ( bao gồm việc kết án của Liên Hiệp Quốc và trục xuất ra khỏi Liên Hiệp Anh) và mục đích quốc nội chấm dứt hợp tác và phục tùng của người Phi mà chính quyền phải lệ thuộc; 2) *lao động*, rút lui lao động rẻ do người Phi cung cấp sẽ đưa đến sụp đổ về kinh tế, và do đó đình công tại gia đã được thiết kế để khuyến dụ các nhà kĩ nghệ đòi hỏi chính quyền thay đổi chính sách; và 3) *tâm lí*, người Phi châu sẽ “khám phá ra được sức mạnh mà họ có, mà không cần vũ khí và họ sẽ không bao giờ như trước nữa.” Tuy nhiên, mặc dù có tư duy sáng suốt và kế hoạch vững chắc cho một chiến dịch có giai đoạn, tổ chức vẫn không dự tính trước được là chính quyền đã chớp lấy sáng kiến và tuyên bố tình trạng khẩn trương.<sup>171</sup>

Mặc dù những chiến thuật cụ thể cho các giai đoạn về sau của cuộc đấu tranh không thể hoạch định trước được, người ta vẫn có thể khai phá một số phương sách tổng quát để sau này xét định. Tuy vậy, những chiến thuật để sử dụng ở giai đoạn đầu (và có thể ở giai đoạn giữa) vẫn có thể được chọn lựa trước một cách thành công nếu người ta tiên đoán được chính xác hoàn cảnh và hình thái của cuộc tấn công.

Có nhiều phương thức có thể sử dụng được trong các chiến thuật, liên hệ đến các mặt trận, các nhóm, các thời điểm, các phương pháp và nhân tố khác nhau. Ví dụ, gánh nặng trách nhiệm thực thi hành động, sau một số thời gian nào đó hay một số biến cố chính trị nào đó, có thể được chuyển giao từ nhóm này đến nhóm khác, hay là những vai trò khác nhau có thể được giao phó cho các nhóm nào đó. Những công tác nguy hiểm nhất (liên quan đến, ví dụ như, việc sử dụng các phương pháp táo bạo hơn cả, như những phương pháp can thiệp bất bạo động) có thể được giao phó cho các nhóm có kĩ luật thật cao, có kinh nghiệm, có kĩ năng, hoặc có huấn luyện, trong lúc những công tác khác quan trọng nhưng ít nguy hiểm hơn có thể do các nhóm tiêu biểu cho quần chúng nói chung chịu trách nhiệm. Có lúc một số trách nhiệm lại rơi vào những nhóm thuộc các ngành nghề hay địa phương nào đó vì các chánh sách hay hành động của đối phương. Ở nơi nào những người đấu tranh bất bạo động nắm được sáng kiến thì họ có thể có chủ ý chọn tung ra nhiều hành động cùng

một lúc trên nhiều mặt trận nếu sức mạnh của họ và hoàn cảnh tổng quát cho phép. Có lúc các chiến thuật lại có thể liên hệ với những mặt trận địa lí cũng như với những mặt trận chính trị, như khi sử dụng các vụ đột kích bất bạo động hoặc gây chướng ngại; tuy vậy, thường thì sẽ không có mặt trận địa lí và cuộc đối kháng sẽ tản mát và tổng quát hơn, như trong trường hợp đình công tại gia. Việc lựa chọn các chiến thuật sẽ chịu ảnh hưởng rất nhiều bởi những mục đích trung hạn và dài hạn của những người đấu tranh bất bạo động, và bởi những phương thức được sử dụng để tạo thay đổi. Những loại chiến thuật khác nhau sẽ tạo ra những khó khăn khác nhau cho kẻ tiếm quyền và có những hiệu quả khác nhau đối với dân chúng bất bạo động.

Thay đổi chiến thuật có thể quan trọng để đem lại cái mới và thích thú (và thường bất thông tin) đối với chiến dịch. Những thay đổi như thế còn có thể phục vụ những mục đích khác nữa, như là lôi kéo những thành phần khác trong dân chúng, gia tăng áp lực tâm lí, chính trị và kinh tế lên đối phương, trải rộng hay thu tóm mặt trận để tránh nghiệm kỉ luật, tinh thần và khả năng của những người đấu tranh bất bạo động. Các thay đổi chiến thuật có thể được thiết kế để đạt những hiệu quả khác nhau đối với đối phương, với lãnh đạo, với người bàng quang, hay là với cảnh sát và quân đội được giao phó trách nhiệm đàn áp. Ví dụ, Ebert nói đến việc chú ý sử dụng những nhóm biểu tình nhỏ (thay vì những nhóm lớn) trong một vài trường hợp và khoảng cách thời gian giữa những cuộc biểu tình (thay vì biểu tình liên tục) như là một phương cách giảm thiểu sự tàn bạo trong việc đàn áp, để làm cho cảnh sát và quân đội của đối phương dễ thấy là những người đấu tranh cũng là những con người cá biệt, và làm cho họ có thì giờ suy nghĩ và suy xét lại trong khoảng thời gian giữa những lần biểu tình.<sup>172</sup>

Việc tung ra chiến lược và ứng dụng các chiến thuật trong những hành động cụ thể thường xảy ra trong bối cảnh cảm nhận được hay phản ứng lại hoàn cảnh xung đột đang diễn tiến. Những kế hoạch rất cẩn thận và chính xác có thể đã được chuẩn bị để bắt đầu tấn công. Tuy nhiên sau khi bắt đầu cuộc đấu tranh, cần phải dự trù có sự uyển chuyển trong việc phát triển thêm, sửa đổi và áp dụng chiến lược và các chiến thuật.<sup>173</sup> Liddell Hart đã nhấn mạnh sự quan trọng của sự uyển chuyển trong việc phác hoạ và ứng dụng một đường lối hành động có tính trước:

*Hãy nắm chắc là kế hoạch lẫn bố trí phải uyển chuyển – có thể thích nghi với hoàn cảnh. Kế hoạch nên thấy trước và phải cung ứng một bước tiếp theo sau trong trường hợp*

thành công hoặc thất bại, hay là chỉ thành công phần nào thôi -- điều xảy ra thường xuyên nhất trong chiến tranh. Các bố trí (hay đội hình) phải làm thế nào để có thể khai thác được điểm này hoặc là thích nghi trong một thời gian ngắn nhất.<sup>174</sup>

Khả năng phản ứng lại những biến cố không thấy trước (hoặc là không thể thấy trước được) cần phải được phát huy cho thật sắc bén. Đặc biệt quan trọng là phản ứng, tinh thần và hành động của những người đấu tranh bất bạo động và những ủng hộ viên có thể có. Nếu họ chứng tỏ là không được chuẩn bị hoặc quá yếu để có thể thi hành các kế hoạch, thì các kế hoạch này phải được thay đổi, bằng cách hoặc thực hiện “một bước ngoặt mục đập vào óc tưởng tượng của người dân, và phục hồi niềm tin là có thể hoàn toàn đối kháng bằng bất bạo động,” hay là bằng cách kêu gọi tạm lui bước để chuẩn bị cho nỗ lực mạnh hơn trong tương lai.<sup>175</sup> Không có gì thay thế, hay là có đường tắt cho sức mạnh của một phong trào hoạt động bất bạo động. Nếu không có được sức mạnh và khả năng cần thiết để kiên trì trước những trừng phạt và đau khổ thì thực tế này cần phải được nhìn nhận và cần có một phản ứng sáng suốt. “Một vị tướng khôn ngoan không đợi cho đến lúc ông ta bị đuổi chạy; ông rút quân kịp thời và trật tự ra khỏi vị trí mà ông biết là ông không thể trấn giữ được.”<sup>176</sup> Lãnh đạo, cũng như trong xung đột quân sự, sẽ phải thành thật nhìn nhận những nhược điểm của những người tình nguyện và các ủng hộ viên tương lai để tìm cách sửa chữa các nhược điểm đó.<sup>177</sup> Phương tiện để thực hiện điều này biến đổi tùy theo các điều kiện của từng hoàn cảnh.

Mặt khác, cuộc đấu tranh có thể cho thấy những nhược điểm trầm trọng của đối phương đòi hỏi những người đấu tranh phải tức khắc thay đổi chiến thuật và tăng tốc nhịp độ của cuộc đấu tranh. Cũng có lúc cuộc đấu tranh có thể cho thấy là những người đấu tranh bất bạo động và quần chúng mạnh hơn là mong đợi, và do đó có thể tiến nhanh hơn trên cơ sở vững chắc hơn là như đã từng quan niệm trước đó.



## **B. Rút đi những nguồn sức mạnh chính trị**

Việc phân tích lí thuyết về những nguồn sức mạnh chính trị và về việc rút đi những nguồn sức mạnh này bằng bất hợp tác, như đã bàn ở Chương Một, bây giờ lại hội nhập vào với việc phân tích các động năng của đấu tranh bất bạo động. Trong phần này, chúng tôi sẽ nhắc lại các nguồn sức mạnh chính trị đã được thảo luận trước đây và xét xem làm thế nào để mỗi một sức mạnh này có thể bị hạn chế lại hay là cắt bỏ đi bằng đấu tranh bất bạo động. Một vài thí dụ minh hoạ sự hạn chế hay là cắt đứt nguồn sức mạnh có thể trích dẫn từ những trường hợp cưỡng ép bất bạo động; còn một số thí dụ khác thì chỉ cho thấy tiềm năng của đấu tranh bất bạo động tác động lên các nguồn sức mạnh mà thôi. Thảo luận ở phần này sẽ cho thấy ý nghĩa thực tiễn của sự phân tích về sức mạnh trước đây và cũng còn giúp cắt nghĩa làm thế nào để thực hiện cưỡng ép bất bạo động. Chính sự đồng quy ngoạn mục của những nguồn sức mạnh chính trị cần thiết với những phương cách mà theo đó hành động bất bạo động đánh vào sức mạnh và vị thế của đối phương đã đem lại cho kĩ thuật này sự hứa hẹn hiệu quả cao và sức mạnh chính trị lớn lao hơn là bạo động.

Như sự phân tích ở Chương Một cho thấy, sức mạnh chính trị phát xuất từ sự tương tác giữa tất cả, hay là một số, những nguồn sức mạnh sau đây, mỗi nguồn sức mạnh này bắt nguồn từ sự hợp tác, hỗ trợ và tuân phục của người dân: **uy quyền, nhân lực, kĩ năng và kiến thức, các nhân tố không nắm bắt được, vật lực** và các hình thức **ché tài**. Như đã ghi nhận trước đây, những thay đổi về cường độ của những nguồn sức mạnh này của nhà cai trị sẽ quyết định mức độ quyền lực của ông ta. Bảng danh mục của chúng tôi liệt kê các phương pháp hành động bất bạo động và sự phân tích của chúng tôi về các động năng của kĩ thuật này cho thấy là những nguồn sức mạnh này có thể hết sức dễ bị tấn công nếu áp dụng đấu tranh bất bạo động một cách phổ quát và có phẩm chất.



Chính cái khả năng của kĩ thuật bắt bạo động có thể cắt bỏ được những nguồn sức mạnh đã đem lại cho kĩ thuật này sức mạnh cưỡng ép. Những phương thức chính xác theo đó các nguồn sức mạnh bị hạn chế hoặc bị cắt đứt, và mức độ các nguồn sức mạnh này bị cắt đứt, sẽ biến đổi. Kĩ thuật này có thể vừa hạn chế vừa cắt đứt các nguồn sức mạnh của đối phương, và còn cho thấy sự mất mát những nguồn sức mạnh này bằng những phương tiện khác nữa. Kĩ thuật này trở nên cưỡng ép khi những người áp dụng nó giữ lại hay rút lui, ở một mức độ quyết định, những nguồn sức mạnh cần thiết của đối phương. Hành động bắt bạo động có thể làm cho việc “cưỡng ép bằng cách không tham gia”<sup>165</sup> có thể thực hiện được. Tiềm năng này có ý nghĩa chính trị lớn lao hơn cả nên cần phải lưu ý đến các chi tiết, dù có phải lặp lại những điểm đã có nói đến trước đây, để chứng tỏ làm thế nào mỗi một nguồn sức mạnh này có thể bị cắt bỏ đi được.

**1. Uy quyền.** Đấu tranh bắt bạo động tác động lên quyền hành của đối phương theo ba cách: 1) Nó có thể cho thấy là đối phương đã mất bao nhiêu uy quyền rồi, và là một sự mất mát lớn lao rõ ràng về uy quyền sẽ làm yếu đi quyền lực của ông ta; 2) đấu tranh bắt bạo động có thể xói mòn uy quyền của ông ta còn nhiều hơn nữa; và 3) những người đã từng phủ nhận uy quyền của ông ta có thể trở nên trung thành với một đối thủ đang đòi hỏi một chính phủ song hành, điều có thể làm suy yếu uy quyền của ông ta hơn nữa cũng như tạo nên hay làm trầm trọng thêm những vấn đề quan yếu khác. Bất cứ hệ quả nào trong số những hệ quả này cũng đều rất tai hại đối với quyền lực của đối phương.

Chủ Nhật Đắm Máu -- biến cố dẫn đến việc mất uy quyền – đã được tiếp nối bằng lời nói của Bộ trưởng Tài chính Vladimir Kokovstev cảnh báo Nga hoàng là cần phải làm một cái gì để lấy lại niềm tin của dân chúng, và bằng sự bộc lộ sợ hãi của Bá Tước Witte, chủ tịch Hội Đồng Bộ Trưởng, là “hào quang của nhà lãnh đạo sẽ bị phá vỡ” nếu Nicolas đệ Nhị không công khai tách mình ra khỏi những biến cố thường nhật.<sup>166</sup> Những cảnh báo này đã được chứng tỏ là đúng. Katkov còn nói đến chiến dịch của những người Nga cấp tiến đã bao nhiêu năm tố cáo và làm mất uy tín chế độ chuyên quyền, làm tan vỡ uy quyền của chế độ, lót đường cho sự thành công của “cuộc nổi dậy của quần chúng và vụ nổi loạn của đội quân đồn trú tại Petrograd đưa đến sự sụp đổ của đế chế mà không phải tốn xương máu...”<sup>167</sup> vào tháng Hai năm 1917.

Khi thuật lại vụ Đông Đức Nổi Dậy, Brant có nhận xét là:

Đối với dân thuộc Khu Vực Sô Viết thì đó [tuyên bố tình trạng khẩn trương của Hồng Quân, không phải của chính thể Đông Đức] là sự khẳng định điều mà họ đã biết: sau bảy năm nắm quyền những người Cộng Hoà Đỏ vẫn lệ thuộc vào quyền lực do những người bảo trợ họ cho vay mượn. Nhưng sự thống trị lâu dài lại tùy thuộc vào quyền lực ít hơn là vào uy quyền; quyền lực đòi hỏi sự khuất phục, và khuất phục lại có thể trở thành nổi loạn rất nhanh. Uy quyền đòi hỏi và có được sự kính nể, điều mà trong lúc khó khăn hay bất ổn sẽ được xác quyết bằng sự tự nguyện tuân phục.<sup>168</sup>

Trong trường hợp cực đoan, mất đi uy quyền trong một hệ thống hay một chế độ có thể đưa đến việc thừa nhận một đối thủ, một chế độ mới chớm nở, và do đó đưa đến sự chuyển đổi lòng trung thành và sự tuân phục từ chính quyền cũ sang chính quyền mới. (Có lúc lòng trung thành còn có thể được chuyển sang, không phải một chế độ cạnh tranh, mà là một uy quyền trừu tượng hơn, như là một hệ thống tôn giáo hay đạo đức, hoặc một nguyên tắc hay một ý thức hệ.)

Một chính quyền song hành sẽ chỉ xuất hiện ở những trường hợp bất thường của đấu tranh bất bạo động trong những hoàn cảnh rõ ràng là cách mạng. Để thành công, chính quyền mới phải có được hậu thuẫn sâu và rộng, và chế độ cũ phải đã mất hết uy quyền trong đại đa số quần chúng. Tuy nhiên, khi có một chính quyền song hành hoạt động một cách đúng đắn thì uy quyền và quyền lực còn lại của đối phương sẽ bị đe dọa một cách trầm trọng.

Một chính quyền song hành như thế dĩ nhiên sẽ gặp những vấn đề khó khăn, và chính quyền này có thành công được hay không còn tùy thuộc vào việc những vấn đề này sẽ được giải quyết như thế nào. Cho đến nay ít có công trình phân tích về những nhân tố đưa đến thành công hay thất bại của phương pháp này, hay là về những phương cách mà theo đó, khi thành công, chính quyền có thể sẽ được thay thế như thế nào.

**2. Nhân lực.** Hành động bất bạo động có thể cắt đứt nhân lực cần cho sức mạnh chính trị của đối phương. Thường thường, trong những “thời gian bình thường”, các nhà cai trị hay cho rằng họ có được sự tuân phục tổng quát và hợp tác của người dân luôn luôn sẵn sàng vâng phục và làm tất cả những gì cần phải làm để duy trì họ như là những nhà cai trị và để làm cho hệ thống có thể hoạt động được. Tuy nhiên, việc thực thi hành động bất bạo động trên bình diện rộng lớn có thể phá vỡ giả định này. Chỉ cần nhân con số những thành viên bất hợp tác, bất tuân, và thách thức của nhóm người thừa hành và của dân chúng nói chung thì đã

có thể tạo ra không những chỉ những vấn đề trầm trọng về việc thi hành luật lệ mà còn ảnh hưởng đến vị thế quyền lực của nhà cai trị nữa. Hành động bất bạo động có thể không những chỉ đem lại sự gia tăng bất đồng ý kiến ở những người thừa hành trực tiếp bị ảnh hưởng bởi yêu sách, mà còn dẫn đến việc những người thường hậu thuẫn đối phương (giả thiết có một sự khác biệt giữa hai nhóm người này) cũng rút lui sự đồng ý của họ.

Việc rút nhân lực này có hiệu quả hơn hết 1) trong những xung khắc ngay tại trong nước của đối phương, nơi mà chính dân chúng bản xứ từ chối không cho ông ta có được sự hỗ trợ nhân lực mà ông ta cần, 2) trong những xung đột, như trong trường hợp ngoại thuộc, trong trường hợp này đối phương bị khước từ hỗ trợ của cả hai nhóm, nghĩa là những người thường hậu thuẫn ông ta (người cùng quốc gia với ông) và nhóm đưa ra yêu sách (người dân của quốc gia bị chiếm đóng). Tuy vậy, ngay khi cả hai nhóm dân đã tham dự mà dù chỉ một nhóm (như trường hợp quốc gia bị chiếm đóng) tìm giữ lại sự hỗ trợ về nhân lực thì phương pháp bất hợp tác vẫn chứng tỏ là có hiệu năng với điều kiện là có được một số điều kiện thuận lợi khác.

Gia tăng việc tìm giữ lại nhân lực theo con số tuyệt đối hay theo tỉ lệ có thể đưa đến một tình trạng thâm trầm cho đối phương. Những nhân lực này, cùng với những nguồn sức mạnh khác, có thể bị làm suy giảm đồng thời với sự gia tăng các yêu sách đối với quyền lực đó, những yêu sách mà sự phát triển của bất hợp tác và thách thức đã tạo nên. Đối phương do đó có thể mất đi sự kiểm soát của tình thế và chế độ có thể trở thành bất lực. Khi điều này xảy ra trong chính trị thì hoạt động bất bạo động đã tạo ra được trong đấu trường chính trị những hiệu quả tương đương với một cuộc biểu tình có hiệu quả trong môi trường kĩ nghệ. Không tham gia có thể làm tê liệt hệ thống chính trị của đối phương. Tiềm năng này đã được Gandhi thấy trước rất rõ ràng:

Tôi tin rằng, và ai cũng phải công nhận là, không có một Chính quyền nào có thể tồn tại chỉ trong chốc lát mà không có sự hợp tác của dân, dù là tự nguyện hay bị ép buộc, và nếu dân bỗng dưng rút lui tất cả mọi hợp tác, thì Chính phủ sẽ phải hoàn toàn ngưng hoạt động.<sup>169</sup>

Trong những thời kì chính yếu của cuộc Cách mạng Nga năm 1905, tình hình hoàn toàn ngoài sự kiểm soát của chính quyền và cảnh sát bất lực trước sự can thiệp, thách thức của quần chúng thực quá sức là nghiêm trọng.<sup>170</sup>

Đối diện với sự thách thức bất bạo động quá lớn ở Peshawar vào tháng Tư năm 1930 và vụ phiên loạn Garwali, như đã trưng dẫn trước đây, người Anh đã phải tạm bỏ không kiểm soát thành phố này và đã rút quân, bỏ trống thành phố suốt gần mười ngày mãi cho đến khi có quân tiếp viện.

Bản phúc trình của Ủy Ban Devlin cho Chính phủ Anh năm 1959 cho thấy là lí do chính yếu của lệnh Khẩn Trương 1958 ở tại Nyasaland (bây giờ gọi là Malawi) là vì sợ sự lan rộng của bất hợp tác và bất tuân của người châu Phi sẽ đưa đến sự sụp đổ của chính quyền -- chứ không phải là vì “âm mưu sát nhân” như đã từng được quảng bá quá rộng rãi vào lúc bấy giờ. Vào khoảng đầu tháng Ba, tình hình đã đạt đến điểm mà “Chính phủ hoặc phải hành động hoặc phải thoái vị.”<sup>172</sup> Ủy ban tuyên bố là: “Quyết định dẹp Quốc hội, theo chúng tôi nghĩ, là vì tin rằng nếu cứ để Quốc hội tiếp tục hoạt động thì sẽ gây bế tắc cho việc cai trị hơn là vì cái cảm tưởng rằng Quốc hội là, hay có thể là, một tổ chức khủng bố.”<sup>173</sup>

**3. Kỹ năng và kiến thức.** Người ta làm những công việc khác nhau, có những kỹ năng và kiến thức khác nhau, và một chế độ hay một hệ thống này thường cần một số những thứ này hơn những chế độ hay hệ thống khác. Do đó việc các nhân viên then chốt, các cán sự kỹ thuật, các giới chức, các nhà quản trị, v.v... rút lui hậu thuẫn của họ đối với đối phương (hay là giảm bớt hậu thuẫn) sẽ gây một tác dụng lên quyền lực của đối phương thực là lớn so với tỉ lệ người thực sự bất hợp tác.

Sự từ chối hỗ trợ bởi những người dân cốt cán có thể gây khó khăn cho đối phương trong việc hoạch định và thi hành những chính sách thích hợp với tình hình mà ông ta đang phải đối diện. Điều này có thể đưa đến việc phải chấp nhận những chính sách được xem như là những lỗi lầm chính trị hoặc đưa đến việc không thể thực thi được những chính sách đã lựa chọn, hay là đưa đến những khó khăn trong việc thực thi như thế.

Ví dụ trong vụ Thẩm Tra Dị Giáo (Inquisition) do Charles đệ Ngũ của Tây Ba Nha áp đặt lên xứ Hoà Lan, lúc bấy giờ đang bị Tây Ba Nha cai trị, sự đối kháng của các giới chức, của các quan toà, cũng như của người dân bình thường, hình như là yếu tố quyết định trong việc ngăn chặn sự thi hành cuộc Thẩm Tra này. Năm 1550 còn có một nỗ lực áp đặt một biện pháp khắc nghiệt hơn bao giờ cả, đó là “sắc chỉ máu”, phạt án tử hình cho tất cả mọi vi phạm. Tuy nhiên, người ta đã không thể thi hành sắc chỉ đó trên một bình diện rộng lớn được. Pieter Geyl báo cáo là cả những giới chức lẫn các quan toà đều chống đối sắc chỉ đó và đều từ chối hợp tác. “Theo ý kiến của những người đã thiết kế ra hệ thống thì việc

bách hại tôn giáo ở Hoà Lan không bao giờ đem lại được gì ngoài sự khiếm khuyết.”<sup>174</sup>

Gandhi khẳng định là nếu những người Ấn đang nắm giữ những chức vụ chính thức dưới quyền của đế quốc Anh từ nhiệm thì kết quả có lẽ là sự chấm dứt của nền cai trị ngoại bang mà không cần đến sự bất hợp tác của quần chúng. Ông nói là con đường lựa chọn khác cho nước Anh sẽ là một nền độc tài thuần túy quân phiệt; điều mà, ông lí luận, Anh quốc không dám nghĩ tới.<sup>175</sup> Đã thường có những lời kêu gọi trong suốt cuộc đấu tranh của Ấn độ yêu cầu các giới chức từ nhiệm.<sup>176</sup> Sự đóng góp chính yếu vào việc đánh bại cuộc đảo chánh Kapp [Kapp Putsch] do sự bất hợp tác của công chức và do việc các chuyên gia từ chối tham gia nội các đã được mô tả ở phần trên. Chính quyền Đức nhìn nhận vai trò đặc biệt của công chức trong cuộc đấu tranh đối kháng thụ động chính thức chống lại việc Pháp và Bỉ chiếm đóng vùng Ruhr khi họ cấm chính quyền các cấp, quốc gia, tỉnh và địa phương không được tuân lệnh những giới chức chiếm đóng.<sup>177</sup>

Dĩ nhiên là trong một vài hoàn cảnh chính trị và xã hội, xác suất những nhà quản trị và các giới chức – nghĩa là bộ máy hành chính -- chuyển đổi lòng trung thành của mình lớn hơn là trong những hoàn cảnh khác, nhưng một khi điều này xảy ra thì có thể là yếu tố quyết định. Quyền lực chính trị của đối phương cũng còn có thể bị làm cho suy yếu đi bởi những xung khắc ngay trong lòng chế độ, ở cấp cao cũng như thấp. Những xung khắc này có thể độc lập với đấu tranh bất bạo động, hoặc được làm cho nổi bật lên, hay ngay cả có thể được tạo ra bởi đấu tranh bất bạo động – như trong trường hợp những câu hỏi xem có nên nhượng bộ hay không và nên áp dụng loại đàn áp nào chẳng hạn. Trong lúc chế độ có thể cho thế giới bên ngoài cái ấn tượng là rất thống nhất, nhưng tình hình thực sự lại khác hẳn, dù có hay không có một phong trào đấu tranh bất bạo động.

Nga hoàng, chẳng hạn, trên lí thuyết có quyền hạn tuyệt đối, mà vào năm 1905 không thể áp đặt ý muốn của mình lên những vị cố vấn cũng như không thể ngăn chặn được những mưu đồ và tranh chấp của họ.<sup>178</sup> Sự rạn nứt bên trong Đảng Cộng Sản Sô Viết và chế độ năm 1924-27 là một thí dụ khác.<sup>179</sup> Có nhiều nứt rạn xảy ra trong lòng chế độ Đức Quốc Xã về chính sách và vấn đề quản lí những vùng chiếm đóng của Liên bang Sô Viết.<sup>180</sup> Việc Khrushchev thừa nhận những tranh cãi trong hàng ngũ lãnh đạo Nga về việc làm thế nào để phản ứng lại cuộc Cách Mạng Hung Gia Lợi là một khẳng định rằng những xung khắc như thế có thể xảy

ra khi có một thách thức lớn từ bên ngoài chế độ. Chỉ sự hiện diện của những xung khắc nội tại như thế không mà thôi trong những điều kiện khác nhau thì cũng có thể làm nổi bật tác dụng của đấu tranh bất bạo động.

Việc phân tích các động năng của đấu tranh bất bạo động gợi ý là vì nhiều lí do những xung khắc nội tại như thế có xác suất xảy ra *nhều hơn* khi đối diện với đấu tranh bất bạo động trên bình diện rộng lớn, dù hiện tại không có bằng chứng tài liệu. Nơi nào có xung khắc nội tại thì nơi đó xung khắc nội tại này phương hại đến mức độ tiềm năng về kĩ năng, kiến thức, nhận định, và sinh lực, v.v... mà chế độ có để đối phó với thử thách.

**4. Những nhân tố không nắm bắt được.** Những nhân tố như là thói quen tuân phục, lí tưởng chính trị, v.v. có thể bị đe dọa trầm trọng bởi đấu tranh bất bạo động được trải rộng. Một phong trào như thế sẽ làm công việc đả phá thói quen tuân phục *vô điều kiện* và phát huy khả năng lựa chọn có ý thức là nên tuân phục hay bất tuân. Công việc này có chủ đích làm cho quyền lực chính trị của đối phương phải lệ thuộc vào hậu thuẫn năng động và có chủ tâm của người dân.

Đấu tranh bất bạo động cũng còn có thể liên hệ với những thay đổi về quan điểm và lí tưởng chính trị. Đấu tranh bất bạo động trong một vài hoàn cảnh (không hẳn thiết là đa số hoàn cảnh) *phản ánh* sự phổ biến nơi người dân những quan điểm thách đố các chủ thuyết đã từng chính thức được tôn sùng. Tuy nhiên, trong hầu hết các hoàn cảnh, những người đấu tranh thường chỉ lưu tâm đến hoặc một số yêu sách nào đó hoặc một nguyên tắc hay mục tiêu chính trị rộng lớn duy nhất, hay cả hai. Ngay cả những trường hợp như thế vẫn đóng góp được vào việc xói mòn *thêm* lòng tin vô điều kiện vào một chủ thuyết được chính thức chấp nhận. Trong một cuộc đấu tranh như thế, các biến cố có thể phản bác những giáo điều chính thức. Ví dụ phương pháp thách thức bất bạo động có hiệu quả đối với độc tài có thể phản bác quan điểm cho rằng bạo lực là sức mạnh vô địch. Hay là, người ta có thể chất vấn chủ thuyết cho là độc tài phản ánh ý muốn của “dân”, hoặc “Nhà nước của Công nhân”, khi mà dân chúng, hay công nhân, chứng minh ngược lại ở ngoài đường, khi họ đình công, hoặc không hợp tác chính trị. Hay là niềm tin độc tài là quảng đại và nhân đạo có thể bị phá vỡ bởi sự đàn áp chống lại những người bất bạo động đưa ra những đòi hỏi hợp lí. Mức độ các thành viên trong dân chúng như là một tập thể và đặc biệt là các thành viên của nhóm thống trị (chính quyền, Đảng, v.v...) có thể và sẵn sàng xét lại ý thức hệ chính trị được chính thức thừa nhận, sẽ biến đổi. Có khi bám chặt vào ý thức hệ chính thức có thể bảo đảm là đàn áp sẽ nhậm lệ và khắc nghiệt, mặc dù đây có

thể là một giai đoạn tạm thời. Trong những cuộc xung đột khác, những người đấu tranh được xem như đang thi hành những nguyên tắc “thực thụ” nền tảng của những chủ thuyết chính thức, trong lúc chế độ hiện hành bị xem như đang vi phạm và bóp méo những nguyên tắc này để hậu thuẫn cho những chính sách ghê tởm của họ.

Sự thảo luận ở đây chỉ có tính minh họa những phương cách theo đó đấu tranh bất bạo động có thể thay đổi những nhân tố không nắm bắt được đã từng giúp đảm bảo sự tuân phục của người dân và bảo toàn quyền lực của nhà cai trị.

**5. Vật lực.** Đấu tranh bất bạo động có thể điều chỉnh mức độ cung cấp vật lực cho đối phương. Những tài nguyên này bao gồm sự kiểm soát hệ thống kinh tế, vận chuyển, phương tiện truyền thông, tài chánh, các nguyên liệu, và vãn vãn. Khả năng đấu tranh bất bạo động có thể áp đặt những trừng phạt kinh tế lên đối phương hẳn phải đã rõ ràng rồi, vì trong số 198 phương pháp của kĩ thuật này đã được mô tả trong các chương trước<sup>61</sup> là những cuộc tẩy chay, đình công và can thiệp trực tiếp về kinh tế. Thêm vào đó, một số phương pháp khác cũng có thể có hiệu quả kinh tế gián tiếp, như gây rối loạn chính trị hay tăng tổn phí cho việc thi hành luật pháp, hay là làm mất thiện chí của đối phương, hay sự tin tưởng của công chúng, để thành phần thứ ba giữ lại tiền không cho vay, tiền đầu tư, mậu dịch và vãn vãn. Một quan điểm phổ thông giữa những kinh tế gia tất định – cho rằng hoạt động bất bạo động dĩ nhiên là vô hiệu quả và không thích đáng bởi vì các nhân tố tài chánh và vật chất quyết định hướng đi của chính trị -- đã được đặt cơ sở trên một sự thiếu sót căn bản về sự hiểu biết kĩ thuật này.

Các thứ thuế Townshend, mà người dân thuộc địa Mỹ đã than phiền hết sức gắt gao, đã được áp đặt để giảm bớt gánh nặng cho người Anh phải trả thuế bằng cách tăng lợi tức từ Bắc Mỹ. Chiến dịch bất hợp tác của người dân thuộc địa không những đã chặn đứng việc đạt mục tiêu này mà còn áp đặt thêm được những tổn thất kinh tế lên Mầu quốc nữa. Một phóng viên (có lẽ là Benjamin Franklin) đã nêu lên trên tờ London Public Advertiser ngày 17, tháng Giêng, năm 1769, là lợi tức tối đa ở các thuộc địa là 3.500 bảng Anh, trong lúc những thất thoát thương mại của người Anh do chiến dịch không nhập cảng và không tiêu thụ của người Mỹ được phỏng định là 7.250.000 bảng Anh. Ông cũng nêu lên khả năng chiến tranh có thể xảy ra nếu chính sách đó vẫn tiếp tục, một chiến tranh mà người Anh phải tốn ít nhất là mười năm để thắng, phí tổn ít nhất là

100.000.000 bảng Anh, và để lại mất mát về mạng sống và một gia tài thù hận. Tại Anh quốc lúc bấy giờ, Gibson nói là: "...hầu hết các nhân vật trong công quyền đều được thuyết phục là cố thu những thứ thuế như thế chống lại sự đối kháng của thuộc địa là không có cơ sở về kinh tế và thiếu khôn ngoan về chính trị."<sup>181</sup>

Có thể trưng thêm vô số thí dụ từ hai thế kỉ kể từ 1769, trong thời gian này đấu tranh bất bạo động đã giáng xuống những tổn thất vật chất lên đối phương đến nỗi sức mạnh kinh tế của họ, và do đó vị thế chính trị của họ, cả hai đều bị lâm nguy. Nhiều thí dụ trưng dẫn ở chương Năm và chương Sáu thuộc loại này, đặc biệt thuộc loại những cuộc đình công biến thành tổng đình công, những cuộc tổng đình công và những vụ ngưng hoạt động kinh tế.

Tuy nhiên, xin trích dẫn thêm chỉ một thí dụ nữa mà thôi về việc đấu tranh bất bạo động tác động như thế nào lên các tài nguyên kinh tế của đối phương: những cuộc đấu tranh bất bạo động của người Ấn chống lại nền cai trị của người Anh. Những tổn thất kinh tế đại để có ba nguồn gốc: trực tiếp khước từ lợi tức, chi phí gia tăng cho việc quản lí và thi hành luật pháp, và những vụ chủ ý tẩy chay kinh tế.

Trong thời gian của cuộc đấu tranh 1930-31 của người Ấn, việc từ chối trả thuế và tẩy chay hàng hoá đem lại lợi tức cho chính quyền đã đem lại kết quả là chi phí phải gia tăng để đối đầu với phong trào bất tuân dân sự và chế độ người Anh đã bị thâm hụt ở các chính quyền cấp tỉnh. Ở nhiều thời điểm khác nhau, chính quyền Punjab đã bị thâm hụt 10.000.000 đồng tiền Ấn, chính quyền Bombay thâm hụt 10.250.000 đồng và những tỉnh Trung ương 5.000.000 đồng, Madras 8.700.000 đồng, Bengal 9.482.000 đồng và Bihar 4.200.000 đồng.<sup>182</sup> Tổ chức Ấn Độ Trẻ trung của Gandhi bình luận: "Khi chúng tôi ngăn chặn nguồn nuôi dưỡng chuyển đạt từ nạn nhân đến kẻ ăn bám thì đương nhiên là kẻ ăn bám bị suy yếu và chết đi trong lúc nạn nhân thì hồi sinh trở lại."<sup>183</sup> Rõ ràng là khước từ cung cấp lợi tức là một khía cạnh quan trọng của phong trào này.<sup>184</sup>

<i>Năm</i>	<i>Tổng số triệu bảng Anh xuất cảng từ Anh sang thuộc địa Ấn</i>
1924	90.6
1925	86.0
1926	81.8
1927	85.0
1928	83.9
1929	78.2
1930 (Năm tẩy chay)	52.9185



Những người từng lí luận rằng bất bạo động của Gandhi không có gì liên quan đến việc người Anh ra đi, rằng những lí do đích thực chính là kinh tế, đã có một giả thuyết sai lầm là không có một sự tương quan giữa hai điều này. Thực ra thì đã có một sự liên hệ mật thiết gây nên sự suy giảm tức khắc về mậu dịch và lợi nhuận.

Một cuộc điều tra về xuất cảng vào Ấn Độ trong vài năm sẽ đem lại thông tin hữu ích.

Đối với một số hàng, nhập cảng từ Anh giữa 1929 và 1930 đã giảm từ 18 phần trăm xuống tới 45 phần trăm.<sup>186</sup> Tổng trưởng Ngoại giao Ấn nói với Hạ viện vào cuối năm 1930 là sự suy trầm tổng quát của mậu dịch thế giới đã làm cho xuất cảng vào Ấn Độ giảm 25 phần trăm, và ông ghi công Quốc hội đã tẩy chay làm giảm thêm 18 phần trăm nữa.<sup>187</sup> Ngay cả 18 phần trăm vẫn là con số đáng kể, nhưng cuộc tẩy chay có thể đã gây được nhiều hiệu quả hơn thế. Nhập cảng vải bông của Anh vào Ấn Độ năm đó đã giảm thấp hơn nhiều so với số lượng vải bông nhập cảng từ tất cả những quốc gia khác gộp lại.<sup>188</sup> Giữa tháng Mười 1930 và tháng Tư 1931, khi cuộc tẩy chay đang ở cao điểm, thì nhập cảng vải của Anh đã sụt 84 phần trăm. Các chủ nhân và công nhân xưởng Lancashire đã kiến nghị lên Tổng trưởng Ngoại giao Ấn yêu cầu ông phải “làm một cái gì để giải quyết vấn đề Ấn Độ.”<sup>189</sup>

Những điển này chỉ có mục đích minh hoạ, và cũng chỉ một cách nhẹ nhàng mà thôi. Những vụ đình công quy mô và những vụ ngưng hoạt động kinh tế tác động mạnh mẽ hơn nhiều lên những tài nguyên kinh tế của đối phương và lên mức độ quyền lực chính trị mà ông ta có thể sử dụng, như vụ Đình Công Tháng Mười Đại năm 1905 hay vụ ngưng hoạt động kinh tế năm 1944 tại El Salvador và Guatemala đã chứng minh. Những vụ tẩy chay quốc tế của giới tiêu thụ và những cấm vận cũng có thể ảnh hưởng đến kết quả của cuộc đấu tranh.

**6. Chế tài.** Ngay cả khả năng của đối phương áp dụng các hình phạt đôi khi cũng có thể bị ảnh hưởng bởi đấu tranh bất bạo động. Chúng ta đã thấy ở Chương Một là sợ những hình phạt của nhà cai trị là một trong những lí do để tuân phục. Chúng tôi để ý là sự đe dọa hay sử dụng những hình phạt không khẩn thiết phải đưa đến tuân phục, và hình phạt có thể bị vô hiệu hoá bởi sự thách thức của đại đa số quần chúng.

Hơn nữa, hình phạt như là một nguồn sức mạnh của nhà cai trị có thể bị hành động bất bạo động của những người giúp thực thi những hình phạt này làm cho suy giảm hay cất bỏ đi. Thường thường điều này có

nghĩa là cảnh sát hay quân đội thi hành lệnh đàn áp không hữu hiệu, hay hoàn toàn không tuân lệnh. Đôi khi hành động của những người khác có thể cắt đứt tiếp tế vũ khí và đạn dược, như khi những nhà cung cấp ngoại quốc ngưng chở hàng, hay khi đình công xảy ra tại các xưởng vũ khí nội địa và hãng chuyên chở. Các phương tiện kiểm chế này có thể rất quan trọng trong một số trường hợp.

Khả năng đối phương áp dụng các hình phạt có thể bị ảnh hưởng bởi mức độ sẵn sàng thi hành mệnh lệnh đàn áp của nhân viên thừa hành -- cảnh sát và quân đội. Trong một vài hoàn cảnh có thể có quá ít những người thừa hành như vậy bởi vì họ hoặc đã không tự nguyện hay là những người bị trưng dụng khước từ trách vụ. Trong những hoàn cảnh khác, cảnh sát và quân đội hiện hữu không thi hành mệnh lệnh một cách hữu hiệu, hay hoàn toàn không tuân lệnh – có nghĩa là nổi loạn. Những vụ nổi loạn đã từng xảy ra trong thời chiến, khi đang có cách mạng bạo động, và trong những trường hợp đấu tranh lẫn lộn cả bạo động và bất bạo động.

Như đã có thảo luận trước đây, chúng ta có đủ lí do để tin rằng nổi loạn có cơ xảy ra nhiều hơn trong trường hợp đối kháng bất bạo động. Quân đội và cảnh sát không phải bị thương tích hay chết chóc do những người “phản loạn” gây nên và họ phải quyết định là có nên thi hành lệnh đàn áp tàn bạo những người bất bạo động hay không. Tuy nhiên, lơ là trong việc tuân lệnh, và sau cùng là công khai nổi loạn chỉ xảy ra trong những trường hợp đặc biệt mà thôi. Việc cảnh sát và quân đội thông cảm hay nhẫn tâm đối với những đau khổ mà họ gây nên cho nhóm người bất bạo động còn tùy từng hoàn cảnh. Dù sao thì tiềm năng sự tin cậy vào những người thừa hành đàn áp bị suy giảm vẫn có đó; điều này có thể được mô tả như là một khuynh hướng trong những xung đột bất bạo động. Gandhi hoàn toàn tin là những quân nhân gây thương tích và chết chóc cho những người hoạt động bất bạo động phải trải qua một kinh nghiệm đau buồn mà với thời gian sẽ làm cho họ ăn năn: “...một đạo quân mà dám bước qua xác chết những người đàn ông và phụ nữ vô tội sẽ không bao giờ có thể lập lại được thí nghiệm đó nữa.”<sup>190</sup>

Các nỗ lực cải hoá nhóm đối phương có thể tạo ra sự lơ là trong việc tuân theo lệnh đàn áp và công khai nổi loạn trong hàng ngũ cảnh sát và quân đội, điều có thể dẫn đến cưỡng ép lãnh đạo đối phương bằng bất bạo động. Trong những trường hợp khác, nổi loạn có thể xảy ra mà không cần có những nỗ lực cải hoá có chủ ý. Dù sao thì sự bất tuân phục của nhân viên thừa hành đàn áp cũng làm giảm đi sức mạnh của đối phương, và trong một vài trường hợp lại có tính quyết định. Những cuộc

nổi loạn lan tràn của quân đội Nga trong những cuộc cách mạng 1905 và tháng Hai năm 1917 đã được mô tả ở trên.<sup>191</sup> Trong trường hợp sau, những vụ nổi loạn đã đóng một vai trò quan trọng trong việc làm tan rã chế độ Nga hoàng.

Những người Đức Quốc Xã thừa nhận rõ ràng là nếu họ mất đi sự kiểm soát của Quân đội thì sức mạnh của họ sẽ bị yếu đi một cách trầm trọng; Goebbels bộc lộ là vào đầu tháng Hai, năm 1938, những người Đức Quốc Xã sợ hơn hết không phải là một vụ đảo chánh mà là sự từ chức tập thể của những giới chức cao cấp<sup>192</sup> -- một hình thức bất hợp tác.

Trong thời gian cuộc Nổi Dậy phần lớn bất bạo động của Đông Đức vào tháng Sáu năm 1953, cảnh sát có lúc đã rút lui hoàn toàn hay là tự nguyện bỏ súng ống. Trong số các lực lượng vũ trang của Đông Đức đã có nhiều trường hợp nổi loạn và bỏ vũ khí. Có ngay cả những bằng chứng về sự thông cảm của lính Nga và về sự miễn cưỡng phải bắn vào thường dân. Một số rất lớn những người Nga tuân hành lệnh tỏ ra là đã bị xuống tinh thần.<sup>193</sup> Có phúc trình là vào khoảng một ngàn sĩ quan và các cấp khác của Sô Viết đã từ chối bắn vào những người biểu tình, và năm mươi hai thành viên Đảng và quân nhân đã bị bắn vì bất tuân lệnh.<sup>194</sup>

Quân đội và cảnh sát dụng tâm trở nên vô hiệu năng một cách quy mô có thể làm giảm đi sức mạnh của đối phương. Khi các giới chức không chắc chắn về việc lệnh có được tuân hành hay không, nhất là khi đã có những cuộc nổi loạn nhỏ xảy ra, thì họ có thể ngần ngại trong việc ra lệnh hành động đàn áp gắt gao vì sợ gây ra phản loạn. Sự ngần ngại đó còn giới hạn các chế tài như là một nguồn sức mạnh. Một cuộc nổi loạn lớn sẽ có khuynh hướng thay đổi tương quan lực lượng một cách triệt để, và lúc đó đối phương khó mà chống lại được những yêu sách của những người đấu tranh bất bạo động. Thực ra thì lúc bấy giờ chế độ có thể đã tan rã.

### **C. Một vài nhân tố ảnh hưởng đến cưỡng ép bất bạo động**

Không có một mô thức duy nhất nào cho việc thực thi cưỡng ép bất bạo động. Những nhân tố tạo ra phương pháp này được rút ra từ những hỗn hợp và tỉ lệ khác nhau; nhìn chung có ít nhất là tám nhân tố. Vai trò và sự hỗn hợp những nhân tố này sẽ không giống y như cũ, khi cưỡng ép bất bạo động được tạo ra phần lớn là do nổi loạn, chẳng hạn như khi đạt được cưỡng ép bằng cách làm tê liệt kinh tế và chính trị. Sự đóng góp

của mỗi nhân tố sẽ tùy thuộc vào mức độ nhân tố này điều chỉnh được một hay nhiều nguồn sức mạnh cần thiết của đối phương.

Nói một cách tổng quát thì cưỡng ép bất bạo động có thể thực hiện được ở nơi nào số lượng những người hành động bất bạo động rất là lớn, tính theo con số tuyệt đối cũng như theo tỉ lệ đối với dân số. Lúc đó thì có thể là đối phương không thể kiềm chế nổi vì sự thách thức quá ồ ạt; làm tê liệt kinh tế bằng bất hợp tác thì có lẽ có cơ may thực hiện được hơn. Can thiệp vào những nguồn sức mạnh lệ thuộc vào nhân lực, có hay không có chuyên môn cũng có thể có xác suất cao hơn.

*Mức độ đối phương lệ thuộc* vào những người đấu tranh bất bạo động về những nguồn sức mạnh của ông ta cũng quan trọng. Sự lệ thuộc càng lớn thì cơ hội cưỡng ép bất bạo động càng cao. Do đó việc xét định chính xác ai sẽ là người khước từ hỗ trợ đối phương trở thành quan trọng. Hiller lý luận<sup>195</sup> là “Mức độ bất tham dự cần có để đem lại những hiệu quả chính trị có thể đo lường được biến đổi theo vị thế chiến lược của những người biểu tình.” Trong một số hoàn cảnh, đối phương có thể tương đối không quan tâm đến số lượng lớn những người dân không hợp tác và trong những hoàn cảnh khác ông ta lại có thể bị cưỡng ép bằng bất bạo động bởi một số người tương đối ít.

*Khả năng* của nhóm bất bạo động *áp dụng kĩ thuật* của đấu tranh bất bạo động sẽ rất là quan trọng. Vai trò của kĩ năng chiến đấu ở đây có thể tương đương với tầm quan trọng của nó trong bất kì loại chiến đấu nào. Kĩ năng ở đây bao gồm khả năng chọn lựa chiến lược, các chiến thuật và các phương pháp, thời điểm và địa điểm hành động, v.v., và khả năng hành động theo những động cơ và yêu cầu của kĩ thuật bất bạo động này. Khả năng áp dụng đấu tranh bất bạo động một cách khôn khéo sẽ giúp vượt qua được những nhược điểm của nhóm bất bạo động, khai thác những nhược điểm của đối phương, và đấu tranh chống lại những biện pháp phản công của đối phương.

Có thực hiện cưỡng ép bất bạo động được hay không còn tùy thuộc vào sự thử thách và bất hợp tác có thể duy trì được bao lâu. Một hành động bất hợp tác ồ ạt mà tan rã sau một vài tiếng đồng hồ thì không thể cưỡng ép bất bạo động ai được. Sự sẵn sàng và khả năng duy trì hành động bất bạo động trong một thời hạn dài đủ dù bị đàn áp là cần thiết để làm suy giảm hay cắt đứt hẳn những nguồn sức mạnh của đối phương.

Thiện cảm và hậu thuẫn của những *thành phần thứ ba* đối với nhóm bất bạo động có thể quan trọng trong việc thực hiện cưỡng ép bất bạo động nếu đối phương lệ thuộc vào họ về những vấn đề như là tài nguyên kinh tế, phương tiện chuyên chở, quân nhu và vân vân. Những tiếp tế này

lúc đó có thể bị cắt đứt và vị thế quyền lực của đối phương theo đó bị suy yếu.

Những *phương tiện kiểm chế và đàn áp* mà đối phương có thể sử dụng, và trong thời gian bao lâu, nhằm ép buộc hợp tác và tuân phục trở lại cũng quan trọng. Nhưng quan trọng hơn là phản ứng của những người đấu tranh đối với những phương tiện đó.

Nhân tố cuối cùng đóng góp vào phương pháp cưỡng ép bất bạo động là *chống đối trong hàng ngũ đối phương* chống lại các chính sách có vấn đề hay chống lại đàn áp, hay chống cả hai. Số người bất đồng quan điểm, cường độ bất đồng ý kiến, loại hành động họ sử dụng, và vị thế của họ trong cấu trúc xã hội, kinh tế và chính trị, tất cả đều quan trọng ở đây. Đôi khi những rạn nứt ngay chính trong nhóm cai trị cũng có thể xảy ra. Nếu điều này xảy ra, hay nếu một cuộc tổng đình công hay một vụ nổi loạn lớn của quân đội và cảnh sát xảy ra chống lại việc đàn áp những người đấu tranh bất bạo động, thì đó là một nhân tố chính yếu tạo nên cưỡng ép bất bạo động.





